PHAO-LÔ GIÁM MỤC  
TÔI TỚ CÁC TÔI TỚ THIÊN CHÚA  
HỢP NHẤT VỚI CÁC NGHỊ PHỤ CỦA THÁNH CÔNG ĐỒNG  
ĐỂ MUÔN ĐỜI GHI NHỚ

**SẮC LỆNH VỀ HOẠT ĐÔNG TRUYỀN GIÁO CỦA GIÁO HỘI – AD GENTES**

*Ngày 18 tháng 11 năm 1965*

**SẮC LỆNH VỀ HOẠT ĐÔNG TRUYỀN GIÁO CỦA GIÁO HỘI – AD GENTES**

**CHƯƠNG I. GIÁO THUYẾT CĂN BẢN**

**CHƯƠNG II. CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO**

**CHƯƠNG III. CÁC GIÁO HỘI ĐỊA PHƯƠNG**

**CHƯƠNG IV. CÁC NHÀ TRUYỀN GIÁO**

**CHƯƠNG V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO**

**CHƯƠNG VI. SỰ CỘNG TÁC**

**KẾT LUẬN**

**Chú thích**

**1**

Được Thiên Chúa sai đến với muôn dân để nên “bí tích cứu độ phổ quát”,**1** đồng thời vì những đòi hỏi căn bản của đặc tính công giáo và vì mệnh lệnh của Đấng Sáng Lập (x. Mc 16,16), Giáo Hội dành mọi nỗ lực để loan báo Tin Mừng cho tất cả mọi người. Thật vậy, chính các Tông Đồ, nền móng của Giáo Hội, đã theo chân Chúa Ki-tô, “rao giảng lời chân lý và khai sinh các giáo đoàn”.**2** Những người kế vị các Tông Đồ có nhiệm vụ tiếp tục công việc này, để “lời Chúa được lan rộng và toả sáng” (2 Ts 3,1), để Nước Chúa được công bố và thiết lập khắp trần gian.

Nhưng tình trạng thế giới hiện nay đặt nhân loại trong một hoàn cảnh mới, vì thế Giáo Hội, là muối đất và ánh sáng trần gian (x. Mt 5,13-14), càng được kêu mời khẩn thiết hơn để cứu rỗi và canh tân mọi loài thụ tạo, để mọi sự được tái lập trong Chúa Ki-tô, và nơi Ngài mọi người họp thành một gia đình và một đoàn dân duy nhất của Thiên Chúa.

Bởi vậy, trong tâm tình cảm tạ Thiên Chúa vì những kỳ công mà toàn thể Giáo Hội đã nhiệt thành quảng đại thực hiện, Thánh Công Đồng muốn vạch ra những nguyên tắc hoạt động truyền giáo và tập trung năng lực của toàn thể các tín hữu, để khi dấn thân bước trên lối đường hẹp của thập giá, Dân Chúa mở rộng vương quyền Chúa Ki-tô, là Chúa và là Đấng nhìn thấu muôn thời đại (x. Hc 36,19) đồng thời dọn đường cho Người ngự đến.

**CHƯƠNG I. GIÁO THUYẾT CĂN BẢN**

**2**

Tự bản tính, Giáo Hội lữ hành là người được sai đi, vì chính Giáo Hội được khởi sinh từ việc Chúa Con và Chúa Thánh Thần được sai đến theo ý định của Thiên Chúa Cha.**3**

Ý định này tuôn trào từ “mạch suối yêu thương” nghĩa là tình yêu của Thiên Chúa Cha, Đấng chính là Cội nguồn nguyên thủy, bởi Ngài Chúa Con được sinh ra, và cũng bởi Ngài và nhờ Chúa Con mà phát xuất Chúa Thánh Thần, cũng là Đấng vì lòng nhân từ thương xót vô biên nên khi tạo dựng và hơn nữa khi ưu ái mời gọi chúng ta tham dự vào sự sống và vinh quang của Ngài, đã rộng rãi tuôn đổ và còn không ngừng tuôn đổ lòng nhân từ xuống cho chúng ta, đến độ Đấng tác tạo muôn loài lại trở nên “mọi sự trong mọi người” (1 Cr 15,28), để Ngài được vinh hiển và đồng thời chúng ta được hạnh phúc. Tuy nhiên, Thiên Chúa muốn mời gọi mọi người tham dự vào sự sống của Ngài, không chỉ từng cá nhân không liên quan gì đến nhau, nhưng còn liên kết họ thành một đoàn dân duy nhất, trong đó con cái Thiên Chúa đang tản mác khắp nơi được quy tụ về một mối (x. Ga 11,52).

**3**

Ý định của Thiên Chúa muốn cứu rỗi toàn thể nhân loại không chỉ được thực hiện cách thầm kín trong tâm trí con người, hoặc bằng các tôn giáo như là phương thế để giúp con người tìm kiếm Thiên Chúa qua nhiều nẻo đường, may ra sẽ đến gần hoặc gặp được Ngài, mặc dù Ngài không ở xa mỗi người chúng ta (x. Cv 17,27); tuy nhiên những phương cách đó cần phải được soi dẫn và tu chỉnh, dù đôi khi, trong ý định nhân lành của Chúa Quan Phòng, cũng có thể được coi như những lối đường hướng về Thiên Chúa chân thật hoặc chuẩn bị cho Tin Mừng.**4** Nhưng để đem lại bình an trong sự hiệp thông với Thiên Chúa, và để xây dựng một xã hội huynh đệ giữa những con người tội lỗi, Thiên Chúa đã quyết định đi vào lịch sử loài người theo một cách thức mới và mang tính tối hậu bằng cách sai Con của Ngài mặc lấy xác phàm, để nhờ Người, Ngài giải thoát nhân loại khỏi quyền lực tối tăm và Satan (x. Cl 1,13; Cv 10,38), đồng thời trong Người, Ngài hòa giải trần gian với chính mình (x. 2 Cr 5,19). Thật vậy, Thiên Chúa đã tạo dựng vũ trụ nhờ Chúa Con,**5** Ngài cũng đặt Người thừa hưởng muôn loài, để phục hồi vạn vật trong Người (x. Ep 1,10).

Chúa Giê-su Ki-tô được sai đến thế giới làm trung gian đích thực giữa Thiên Chúa và nhân loại. Vì Người là Thiên Chúa, nên “nơi Người, cả thần tính trọn vẹn đã hoà nhập trong xác thể” (Cl 2,9); theo nhân tính, Người là Ađam mới, đầy ân sủng và chân lý (Ga 1,14), được đặt làm đầu nhân loại đã được đổi mới. Như thế, bằng con đường nhập thể đích thực, Con Thiên Chúa đã đến để làm cho loài người được thông phần vào bản tính Thiên Chúa, vốn giàu sang, Người đã trở nên nghèo khó vì chúng ta, để lấy sự nghèo khó của Người làm cho chúng ta trở nên giàu có (2 Cr 8,9). Con Người không đến để được phục vụ nhưng để phục vụ và hiến mạng sống làm giá chuộc cho nhiều người, nghĩa là mọi người (x. Mc 10,45). Các Thánh Giáo Phụ luôn quả quyết rằng sự gì không được Chúa Ki-tô nhận lấy thì không được cứu thoát.**6** Quả thật, Chúa Ki-tô đã nhận lấy trọn vẹn nhân tính của chúng ta là những kẻ khốn khổ và nghèo hèn, ngoại trừ tội lỗi (x. Dt 4,15;9,28). Chúa Ki-tô, “Đấng được Chúa Cha thánh hóa và sai xuống trần gian” (x. Ga 19,36) đã nói về chính mình rằng: “Thánh Thần Chúa ngự trên tôi, vì Ngài đã xức dầu cho tôi, sai tôi đi rao giảng Tin Mừng cho những người nghèo khó, chữa lành những tâm hồn đau khổ, loan báo sự giải thoát cho những người bị giam cầm và làm cho những kẻ đui mù được nhìn thấy” (Lc 4,18), và Người còn nói: “Con Người đến tìm kiếm và cứu vớt điều gì đã hư mất” (Lc 19,10).

Những gì Chúa đã một lần rao giảng hay đã thực hiện để cứu rỗi nhân loại, phải được công bố và loan truyền, bắt đầu từ Giêrusalem (Lc 24,47) cho đến tận cùng trái đất (Cv 1,8), như thế những gì đã được thực hiện chỉ một lần để cứu rỗi mọi người, sẽ có hiệu lực cho toàn thể nhân loại qua mọi thời đại.

**4**

Để hoàn tất việc đó, Chúa Ki-tô đã cử Chúa Thánh Thần từ Chúa Cha đến để thực hiện công trình cứu độ trong các tâm hồn và làm cho Giáo Hội tăng triển thêm mãi. Chắc chắn là Chúa Thánh Thần đã hành động nơi trần gian trước khi Chúa Ki-tô được vinh hiển,**7** nhưng trong ngày lễ Ngũ Tuần, Ngài đã ngự xuống trên các Tông Đồ để ở lại với họ luôn mãi (x. Ga 14,16), Giáo Hội công khai xuất hiện trước dân chúng, Tin Mừng bắt đầu được phổ biến giữa muôn dân nhờ lời giảng dạy, và sau cùng sự hợp nhất các dân tộc trong đức tin công giáo được tiên báo, nhờ Giáo Hội của Tân Ước, một cộng đoàn có khả năng nói mọi thứ tiếng, thấu hiểu và tiếp nhận mọi ngôn ngữ trong tình bác ái, và như thế đã xóa bỏ tình trạng phân tán từ tháp Babel.**8** Thật vậy, “công vụ Tông đồ” bắt đầu từ ngày Hiện Xuống, như khi Chúa Thánh Thần đến ngự trên Trinh Nữ Ma-ri-a thì Chúa Ki-tô được thụ thai, và như khi Chúa Thánh Thần ngự trên Chúa Ki-tô lúc Người cầu nguyện thì Người được thúc đẩy bắt đầu thi hành chức vụ.**9** Chính Chúa Giê-su trước khi tự nguyện hiến mạng sống mình cho thế gian, đã xếp đặt tác vụ tông đồ và hứa sai Chúa Thánh Thần, làm cho cả hai liên kết với nhau để công trình cứu độ luôn luôn đem lại kết quả khắp nơi.**10** Qua mọi thời đại, Chúa Thánh Thần hợp nhất toàn thể Giáo Hội “trong tình hiệp thông và qua thừa tác vụ, ban phát các ơn phẩm trật và đặc sủng khác nhau”,**11** Ngài nên như linh hồn làm sống động các tổ chức trong Giáo Hội**12** và đổ vào tâm hồn các tín hữu cũng chính tinh thần truyền giáo đã tác động nơi Chúa Ki-tô. Đôi khi Chúa Thánh Thần chuẩn bị cách tỏ tường cho hoạt động truyền giáo,**13** cũng như không ngừng dùng những phương thế khác nhau để hỗ trợ và hướng dẫn hoạt động ấy.**14**

**5**

Ngay từ đầu, Chúa Giê-su “đã gọi đến với Người những kẻ Người muốn và lập thành nhóm mười hai để họ ở với Người và để Người sai họ đi rao giảng” (Mc 3,13). Như thế, các Tông Đồ là mầm mống của Israel mới, đồng thời cũng là nguồn gốc của hàng Giáo phẩm. Sau đó, khi Chúa Giê-su đã một lần hoàn tất nơi Người những mầu nhiệm cứu rỗi chúng ta và canh tân vũ trụ bằng cái chết và sự sống lại, khi đã được trao toàn quyền trên trời dưới đất (x. Mt 28,18) và trước khi về trời (x. Cv 1,11), Người đã thiết lập Giáo Hội nên như bí tích cứu độ, và sai các Tông Đồ đi khắp thế gian như chính Người đã được Chúa Cha sai đi (x. Ga 20,21): “Vậy các con hãy đi dạy dỗ muôn dân, rửa tội cho họ nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, dạy bảo họ tuân giữ tất cả những điều Thầy đã truyền cho các con” (Mt 28,19-20). “Các con hãy đi khắp thế gian, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo. Ai tin và chịu phép Rửa sẽ được cứu rỗi, còn ai không tin sẽ bị luận phạt” (Mc 16,15). Do đó, Giáo Hội có nhiệm vụ truyền bá đức tin và ơn cứu rỗi nhờ Chúa Ki-tô, một đàng do sự uỷ thác rõ ràng của các Tông Đồ cho hàng Giám mục với sự tham dự của các linh mục, hợp nhất với Đấng kế vị thánh Phêrô cũng là Mục Tử Tối Cao của Giáo Hội, đàng khác do sự sống mà Chúa Ki-tô thông ban cho các chi thể, “nhờ Người, toàn thân thể được gắn liền và liên kết chặt chẽ với nhau nhờ mọi thứ gân mạch nuôi dưỡng, mỗi chi thể hoạt động tuỳ theo chức năng của mình, làm cho toàn thân triển nở và được xây dựng trong đức ái” (Ep 4,16). Vì thế, khi vâng lệnh Chúa Ki-tô đồng thời được ân sủng và tình yêu của Chúa Thánh Thần thúc đẩy, Giáo Hội thực thi sứ mệnh bằng cách hoạt động để hoàn toàn trở nên thực sự hiện diện cho tất cả mọi người và mọi dân tộc, để nhờ gương mẫu đời sống, lời giảng dạy, các bí tích và những phương thế trao ban ân sủng khác, Giáo Hội dẫn đưa họ đến với đức tin, đến với ơn giải thoát và sự bình an của Chúa Ki-tô, nhờ đó mở ra con đường rộng thoáng và vững chắc giúp họ tham dự trọn vẹn mầu nhiệm Chúa Ki-tô.

Vì sứ mệnh này tiếp nối và triển khai qua dòng lịch sử sứ mệnh của chính Chúa Ki-tô, Đấng đã được sai đến rao giảng Tin Mừng cho người nghèo khó, nên Giáo Hội được Thánh Thần Chúa Ki-tô thúc đẩy, cũng phải tiến bước trên chính con đường mà Chúa Ki-tô đã đi, là nghèo khó, vâng lời, phục vụ và tự hiến thân cho đến nỗi sẵn lòng chịu chết, để rồi toàn thắng nhờ sự sống lại của Người. Chính các Tông Đồ cũng đã bước đi trên con đường đó trong niềm hy vọng, đã chịu nhiều bách hại và đau khổ để làm trọn những gì còn thiếu trong cuộc khổ nạn mà Chúa Ki-tô đã chịu vì thân thể Người là Giáo Hội (x. Cl 1,24). Và máu tử đạo thường lại là hạt giống trổ sinh các Ki-tô hữu.**15**

**6**

Đây chính là phận vụ mà hàng Giám mục, cùng với người đứng đầu là Đấng kế vị thánh Phêrô, phải chu toàn nhờ vào lời cầu nguyện và sự cộng tác của toàn thể Giáo Hội, tại bất cứ nơi đâu và trong bất kỳ hoàn cảnh nào, dù có thể điều kiện không cho phép thi hành theo cùng một cách thức như nhau. Như thế, những khác biệt vẫn thấy trong hoạt động của Giáo Hội không phát sinh từ bản chất của sứ mệnh, nhưng từ những hoàn cảnh gặp phải khi thực thi công cuộc truyền giáo.

Những hoàn cảnh đó phát sinh hoặc do Giáo Hội, hoặc do các dân tộc, các cộng đồng, hay những người là đối tượng của hoạt động truyền giáo. Thật vậy, mặc dù nơi chính Giáo Hội đã có tất cả và đầy đủ mọi phương thế mang ơn cứu rỗi, tuy nhiên không phải lúc nào Giáo Hội cũng hành động hay có thể hành động tức khắc theo những phương thế đó, nhưng phải qua những bước đầu dò dẫm, rồi tùy theo các giai đoạn mà hành động, để cố gắng thực hiện hữu hiệu ý định của Thiên Chúa; hơn nữa, đôi lúc sau khi có những tiến bộ tốt đẹp ban đầu, Giáo Hội lại phải đau đớn lùi bước, hay ít ra dừng lại trong một tình trạng chưa được như mong muốn. Giáo Hội tiếp xúc và thấm nhập dần dần những gì liên quan đến con người, các cộng đồng hay dân tộc, để tiếp nhận họ trong ơn phúc viên mãn dành cho mọi người. Những hành động riêng tư hay những phương thức thích nghi phải tương xứng với từng hoàn cảnh hay từng đối tượng.

Được gọi chung là “việc truyền giáo” tất cả những hoạt động đặc biệt qua đó Giáo Hội sai những người loan báo Tin Mừng đi khắp thế gian để thực hiện phận vụ rao giảng Phúc Âm, và gầy dựng Giáo Hội nơi các dân tộc, hoặc nơi những cộng đồng chưa tin vào Chúa Ki-tô; việc truyền giáo được thực thi nhờ hoạt động của các vị thừa sai, và phần lớn được thực hiện trong những địa hạt nhất định đã được Tòa Thánh công nhận. Mục đích riêng của việc truyền giáo là rao giảng Tin Mừng và gầy dựng Giáo Hội nơi các dân tộc hay những cộng đồng chưa có sự hiện diện của Giáo Hội.**16** Mục đích là làm cho các Giáo đoàn, hình thành từ hạt giống Lời Chúa, được tăng trưởng khắp nơi trên thế giới, có được khả năng tự túc và trưởng thành, các Giáo Hội địa phương ấy, với hàng Giáo phẩm riêng cùng với cộng đoàn tín hữu và những phương tiện thích hợp để sống cuộc đời Ki-tô hữu, sẽ góp phần vào lợi ích của toàn thể Giáo Hội. Phương tiện chủ yếu để gầy dựng các Giáo đoàn này là việc rao giảng Tin Mừng của Chúa Giê-su Ki-tô, chính vì vậy mà Chúa đã sai các môn đệ đi khắp thế gian loan báo Tin Mừng, để những người đã được tái sinh do lời Thiên Chúa (x. 1 Pr 1,23), sẽ nhờ bí tích Thánh Tẩy mà gia nhập Giáo Hội, chính là thân mình của Ngôi Lời nhập thể, được nuôi dưỡng và sống nhờ lời Chúa và bánh Thánh thể (x. Cv 2,42).

Trong hoạt động truyền giáo của Giáo Hội, có nhiều giai đoạn đôi khi hòa lẫn vào nhau: trước hết là giai đoạn khởi lập hay gieo trồng, sau đó là thời kỳ sơ khai hay non trẻ. Tuy nhiên, khi trải qua các giai đoạn đó rồi, hoạt động truyền giáo của Giáo Hội vẫn không ngưng nghỉ, trái lại, các Giáo đoàn địa phương vừa được thiết lập có nhiệm vụ tiếp tục hoạt động truyền giáo và rao giảng Tin Mừng cho những người đang còn ở bên ngoài Giáo Hội.

Ngoài ra, nơi những cộng đồng mà Giáo Hội đang hiện diện, cũng thường xảy ra những chuyển biến sâu xa vì nhiều lý do khác nhau, đưa đến những hoàn cảnh xã hội cũng hoàn toàn đổi khác. Khi ấy Giáo Hội sẽ nghiệm xét về nhu cầu tái truyền giáo cho những nơi đó. Hơn nữa, đôi khi có những hoàn cảnh gây trở ngại trong một thời gian việc thực thi sứ mệnh rao giảng Tin Mừng cách trực tiếp và tức thời: lúc đó, các nhà truyền giáo có thể và phải luôn tin tưởng phó thác để kiên trì, khôn ngoan làm chứng cho Chúa Ki-tô, ít nữa là bằng các việc bác ái và từ thiện, đó cũng là một cách dọn đường cho Chúa và giới thiệu về Người.

Như thế, rõ ràng là hoạt động truyền giáo gắn liền mật thiết với bản chất của Giáo Hội, hoạt động đó truyền bá đức tin mang ơn cứu rỗi, mở rộng để đưa đến thành toàn sự hợp nhất mang tính công giáo, được nâng đỡ bởi tính cách tông truyền, thể hiện ý nghĩa cộng đoàn của hàng Giáo phẩm, làm chứng, truyền đạt và làm tăng triển sự thánh thiện của Giáo Hội. Như thế, hoạt động truyền giáo giữa muôn dân khác với hoạt động mục vụ dành cho các tín hữu và cũng khác với công cuộc tái lập sự hợp nhất các Ki-tô hữu. Tuy nhiên, cả hai việc này lại liên quan rất nhiều đến nhiệt tâm truyền giáo của Giáo Hội**17** : thật vậy, sự phân rẽ giữa các Ki-tô hữu gây tổn hại cho sứ mệnh rất cao cả là rao giảng Tin Mừng cho mọi thụ tạo,**18** và còn khép kín con đường đưa tới đức tin đối với nhiều người. Do đó, vì sứ mệnh truyền giáo đòi hỏi, tất cả những ai đã chịu phép Rửa Tội đều được kêu gọi quy tụ vào một đoàn chiên duy nhất, và như thế họ có thể cùng nhau làm chứng về Chúa Ki-tô, Chúa của họ, trước mặt muôn dân. Nếu chưa có thể làm chứng đầy đủ về một đức tin duy nhất, ít ra họ phải thể hiện sự quý trọng và tình yêu thương nhau.

**7**

Lý do của hoạt động truyền giáo gắn liền với ý định của Thiên Chúa, Đấng “muốn mọi người được cứu rỗi và nhận biết chân lý. Thật vậy, chỉ có một Thiên Chúa duy nhất, một trung gian duy nhất giữa Thiên Chúa và loài người, đó là một con người, Chúa Ki-tô Giê-su, Đấng đã tự hiến làm giá chuộc mọi người” (1 Tm 2,4-6), “và không có ơn cứu độ nơi một người nào khác” (Cv 4,12). Vì thế, khi đã nhận biết Chúa Ki-tô nhờ lời Giáo Hội giảng dạy, mọi người phải thống hối và chịu phép Rửa Tội để được thuộc về Người và Giáo Hội là Thân Thể Người. Thật vậy, “khi minh nhiên công bố sự cần thiết của đức tin và của phép Thánh Tẩy (x. Mc 16,16; Ga 3,5), Chúa Ki-tô đã cùng lúc xác nhận sự cần thiết của Giáo Hội mà mọi người phải bước vào qua khung cửa bí tích Thánh Tẩy. Vì thế, những ai đã biết Giáo Hội Công Giáo được Thiên Chúa thiết lập nhờ Chúa Giê-su Ki-tô như phương tiện cứu rỗi cần thiết, mà vẫn không muốn gia nhập hoặc trung thành sống trong Giáo Hội thì không thể được cứu rỗi”.**19** Như vậy, tuy dù Thiên Chúa có thể dùng những đường lối chỉ riêng Ngài biết để đưa những kẻ không vì lỗi mình mà chưa nhận được Tin Mừng đến với đức tin, vốn rất cần thiết để làm đẹp lòng Ngài (x. Dt 11,6), nhưng Giáo Hội có bổn phận, đồng thời cũng được Chúa trao quyền loan báo Tin Mừng, do đó, hoạt động truyền giáo hôm nay và mãi mãi vẫn luôn thật sự cấp bách và cần thiết.

Nhờ hoạt động truyền giáo, Nhiệm Thể Chúa Ki-tô không ngừng liên kết và phối hợp mọi năng lực giúp cho toàn thân được tăng trưởng (x. Ep 4,11-16). Để thực thi công cuộc truyền giáo, các chi thể của Giáo Hội phải được đức ái thúc đẩy, nhờ đó họ yêu mến Thiên Chúa và ước ao chia sẻ cho mọi người các ơn phúc thiêng liêng đời này cũng như đời sau.

Nhờ hoạt động truyền giáo, cuối cùng Thiên Chúa sẽ được muôn đời tôn vinh, khi con người ý thức đón nhận trọn vẹn công trình cứu chuộc đã được hoàn tất trong Chúa Ki-tô. Như thế, việc truyền giáo hoàn thành kế hoạch của Thiên Chúa, đã được Chúa Ki-tô thực hiện trong sự vâng phục và lòng yêu mến để tôn vinh Chúa Cha, Đấng đã sai Người đến**20** để quy tụ toàn thể nhân loại thành đoàn Dân duy nhất của Thiên Chúa, kết thành thân thể duy nhất của Chúa Ki-tô, và xây nên đền thờ duy nhất của Chúa Thánh Thần: điều đó đã mang lại sự kết đoàn huynh đệ, đáp ứng khát vọng sâu xa của toàn thể nhân loại. Sau cùng, việc truyền giáo thực sự hoàn tất ý định của Đấng Tạo Hóa, Đấng đã dựng nên con người theo hình ảnh giống như Ngài, khi toàn thể nhân loại, được tái sinh trong Chúa Ki-tô nhờ Chúa Thánh Thần, được chiêm ngưỡng vinh quang Thiên Chúa, cùng đồng thanh cất tiếng: “lạy Cha chúng con”.**21**

**8**

Hoạt động truyền giáo cũng liên kết chặt chẽ với chính bản tính và những khát vọng của nhân loại. Thật vậy, khi bày tỏ Chúa Ki-tô, Giáo Hội mạc khải cho con người giúp cho con người nhận biết chân lý đích thực về thân phận và ơn gọi toàn diện của họ, vì Người chính là nguyên lý và là mẫu mực của nhân loại được đổi mới, một nhân loại thấm nhuần tình yêu thương huynh đệ, thái độ chân thành và tinh thần hòa bình mà mọi người đều khao khát. Chúa Ki-tô và Giáo Hội, chứng nhân của Người qua việc rao giảng Tin Mừng, siêu vượt trên mọi dị biệt về dân tộc và quốc gia, vì thế, cả hai không thể coi là xa lạ đối với bất cứ ai hay tại bất cứ nơi nào.**22** Việc rao giảng Tin Mừng đã tỏ cho mọi người biết Chúa Ki-tô là đường và là sự thật, khi nói với họ những lời của chính Người: “Hãy thống hối và tin vào Tin Mừng” (Mc 1,15). Vì người không tin thì đã bị luận phạt rồi (x. Ga 3,18), nên lời Chúa Ki-tô vừa là lời luận tội vừa là lời ân sủng, vừa đem lại sự chết vừa thông ban sự sống. Thật vậy, chỉ có cách hủy diệt cái cũ, chúng ta mới có thể tiến đến một đời sống mới: điều đó tuy trước tiên có giá trị khi nói về con người, nhưng cũng có thể áp dụng cho những điều tốt lành khác ở trần gian này, những thứ vừa mang dấu ấn của tội lỗi nhân loại vừa nhận được sự chúc lành của Thiên Chúa: “vì quả thật mọi người đã phạm tội và bị tước mất vinh quang Thiên Chúa” (Rm 3,23). Không ai có thể nhờ sức riêng mình để tự giải thoát khỏi tội lỗi và thắng vượt chính mình, cũng không ai hoàn toàn thoát khỏi sự yếu đuối, nỗi cô đơn hay tình trạng nô lệ,**23** trái lại, mọi người đều cần đến Chúa Ki-tô là mẫu gương và là Thầy dạy, là Đấng giải thoát, Đấng cứu độ và là Đấng ban sự sống. Trong lịch sử loài người, cả về phương diện trần thế, Tin Mừng thật sự là men cho tự do và tiến bộ, và luôn là men của tình huynh đệ, hợp nhất và hòa bình. Vì thế, các tín hữu có lý khi suy tôn Chúa Ki-tô là “Đấng muôn dân trông đợi và là Đấng cứu chuộc muôn dân”.**24**

**9**

Hoạt động truyền giáo được thực thi trong thời gian giữa hai lần Chúa đến; và khi Chúa đến lần thứ hai, Giáo Hội ví như mùa lúa được thu gặt từ bốn phương trời đưa vào Nước Chúa.**25** Thật vậy, trước khi Chúa đến, Tin Mừng phải được rao giảng cho mọi dân tộc (x. Mc 13,10).

Hoạt động truyền giáo không gì khác hơn, cũng không gì đơn giản hơn là sự biểu lộ hay nói cách khác là sự hiển linh ý định của Thiên Chúa và hoàn tất ý định đó nơi trần gian và trong lịch sử nhân loại, trong đó rõ ràng Thiên Chúa đang hoàn thành lịch sử cứu độ nhờ việc truyền giáo. Nhờ lời rao giảng và việc cử hành các bí tích, mà trung tâm và tột đỉnh là bí tích Thánh Thể, hoạt động truyền giáo làm cho Đấng tác thành công trình cứu rỗi là chính Chúa Ki-tô được hiện diện. Tất cả những gì là chân lý và ân sủng được tìm thấy nơi các dân tộc như sự hiện diện ẩn khuất của Thiên Chúa sẽ được thanh lọc khỏi những sai lạc có thể đã nhiễm vào, và được phục hồi nhờ Chúa Ki-tô là Đấng đã tác thành chúng, Đấng đã lật đổ quyền lực ma quỷ và chận đứng tác dụng thâm độc muôn mặt của tội lỗi. Bởi vậy, bất cứ điều gì tốt đẹp đã được gieo vãi trong tâm trí con người, hay trong những nghi lễ và văn hoá riêng của các dân tộc, sẽ không bị hủy bỏ, nhưng được chữa lành, thăng tiến và hoàn thiện để Thiên Chúa được tôn vinh, ma quỷ phải nhục nhã và con người được hạnh phúc.**26** Vì thế, hoạt động truyền giáo hướng về sự viên mãn cánh chung**27** : nhờ đó, Dân Chúa được phát triển tới tầm mức và thời hạn mà Chúa Cha đã toàn quyền sắp đặt (x. Cv 1,7) như lời ngôn sứ đã nói: “Hãy mở rộng nơi con cắm trại, hãy căng rộng lều bạt, đừng thu cuốn lại” (Is 54,2),**28** cũng nhờ đó, Thân Thể nhiệm mầu được tăng trưởng đến tầm vóc viên mãn của Chúa Ki-tô (x. Ep 4,13), và Đền thờ thiêng liêng, nơi Thiên Chúa được thờ phượng trong tinh thần và chân lý (x. Ga 4,23), sẽ vươn cao và được xây dựng “trên nền móng là các Tông đồ và các ngôn sứ, còn đá tảng góc tường là chính Đức Giê-su Ki-tô” (Ep 2,20).

**CHƯƠNG II. CÔNG CUỘC TRUYỀN GIÁO**

**10**

Giáo Hội được Chúa Ki-tô sai đi bày tỏ và thông ban tình yêu Thiên Chúa cho tất cả mọi người và mọi dân tộc, nhận thức rằng công cuộc truyền giáo mình đang phải thực hiện vẫn còn rất bao la. Thật vậy, vẫn còn hai tỷ người, và con số vẫn đang ngày càng gia tăng, chưa từng được nghe hay chỉ vừa mới nhận được sứ điệp Tin Mừng, số người đó đang sống trong những cộng đồng đông đảo và rõ rệt, được hình thành do những mối liên hệ cố định của đời sống văn hóa, những truyền thống cổ xưa của tôn giáo, những mối tương quan chặt chẽ của giao tế xã hội; trong số đó có người đang theo một trong các tôn giáo lớn, nhưng có người còn xa lạ với ý niệm về Thiên Chúa, một số khác phủ nhận và đôi khi còn công khai đả kích sự hiện hữu của Thiên Chúa. Để có thể trình bày cho mọi người mầu nhiệm cứu rỗi và sự sống mà Chúa đã thông ban, Giáo Hội phải thấm nhập vào tất cả những nhóm người đó với cùng một động lực như chính Chúa Ki-tô, Đấng khi nhập thể đã hoà mình vào những hoàn cảnh nhất định về xã hội và văn hóa của những cộng đồng mà Người cùng chung sống.

**MỤC 1. CHỨNG TỪ KITÔ HỮU**

**11**

Giáo Hội phải hiện diện trong các cộng đồng nhân loại qua chính những người con của Giáo Hội đang chung sống hay được sai đến với những nhóm người ấy. Thật vậy, tất cả các Ki-tô hữu, dù sống ở đâu, đều phải dùng chứng tá và gương mẫu đời sống để thể hiện con người mới mà họ đã mặc lấy nhờ bí tích Thánh Tẩy, đồng thời biểu dương sức mạnh của Chúa Thánh Thần đã củng cố họ qua bí tích Thêm Sức, để những người chung quanh nhìn thấy các việc lành của họ mà ngợi khen Chúa Cha (x. Mt 5,16), và nhận thức đầy đủ hơn ý nghĩa đích thực của đời sống con người và mối dây liên kết toàn thể cộng đồng nhân loại.

Để có thể làm chứng về Chúa Ki-tô cách hữu hiệu, chính các Ki-tô hữu phải liên kết với mọi người chung quanh với thái độ tôn trọng và yêu thương, phải biết mình là thành phần của cộng đồng mình chung sống, và tham gia đời sống văn hóa, xã hội qua những giao tiếp và hoạt động khác nhau trong cuộc sống nhân loại; phải hiểu rõ các truyền thống dân tộc và tôn giáo cũng như phải vui mừng và chú tâm khám phá ra những hạt giống Lời Chúa đang tiềm ẩn trong đó. Đồng thời, các Ki-tô hữu phải quan tâm đến sự biến đổi sâu xa nơi các dân tộc, và phải nỗ lực làm cho con người thời nay đừng vì quá chú tâm đến khoa học và kỹ thuật của thế giới hiện đại mà xa rời nếp sống tâm linh, nhưng biết nhờ đó mà khao khát mãnh liệt hơn chân lý và tình thương Chúa đã mạc khải. Như chính Chúa Ki-tô đã tìm hiểu tâm hồn con người và dẫn đưa họ đến ánh sáng thần linh nhờ cuộc đối thoại mang đầy tính nhân bản, cũng thế, những môn đệ đã thấm nhuần tinh thần của Chúa Ki-tô, cũng phải hiểu biết những người họ đang chung sống, hãy trao đổi với họ, để nhờ việc đối thoại chân thành và kiên nhẫn, các môn đệ nhận ra những gia sản phong phú mà Thiên Chúa đã rộng ban cho các dân tộc; đồng thời cũng phải nỗ lực đem ánh sáng Tin Mừng chiếu soi, nâng cao và đưa những gia sản đó quy hướng về Chúa Cứu Thế.

**12**

Sự hiện diện của các Ki-tô hữu giữa các cộng đồng nhân loại phải được tác động bằng chính tình yêu Thiên Chúa đã dành cho chúng ta và muốn chúng ta cũng hãy thương yêu nhau (1 Ga 4,11). Đức ái Ki-tô giáo thực sự dành cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, hoàn cảnh xã hội hay tôn giáo; đức ái không vụ lợi cũng không cầu mong được đáp đền. Như Thiên Chúa đã yêu chúng ta bằng một tình yêu vô vị lợi, các tín hữu cũng phải lấy tình bác ái để yêu thương con người với cùng một ý hướng như khi Chúa tìm gặp con người. Do đó, như Chúa Ki-tô đã rảo qua khắp các thị thành và làng mạc, chữa lành mọi kẻ tật nguyền, bệnh hoạn, nêu rõ dấu chỉ Nước Chúa đã đến (x. Mt 9,35tt; Cv 10,38), Giáo Hội cũng nhờ con cái của mình để liên kết với mọi người trong mọi hoàn cảnh, nhất là với những người nghèo hèn đau khổ, và sẵn sàng tiêu hao chính mình vì họ (x. 2 Cr 12,15). Thật vậy, Giáo Hội chia vui sẻ buồn với họ, biết rõ những ước vọng và những khó khăn của họ, cảm thông với họ trong nỗi lo âu về sự chết. Đối với những ai tìm kiếm hòa bình, Giáo Hội muốn đưa ra lời giải đáp qua việc đối thoại huynh đệ, bằng cách mang lại cho họ sự bình an và ánh sáng phát xuất từ Tin Mừng.

Các Ki-tô hữu phải hoạt động và cộng tác với mọi người để điều hành cách tốt đẹp các sinh hoạt kinh tế xã hội. Họ phải quan tâm đặc biệt đến việc giáo dục thiếu nhi và thanh thiếu niên nhờ các loại hình trường học khác nhau, không chỉ được coi như phương tiện tốt nhất để huấn luyện và nâng cao giới trẻ Ki-tô hữu, nhưng đồng thời còn là công cuộc phục vụ con người rất có giá trị – nhất là đối với các quốc gia đang phát triển – để nâng cao nhân phẩm và chuẩn bị những điều kiện sống hợp nhân bản hơn. Ngoài ra, họ còn phải tham gia vào nỗ lực của các dân tộc đang cố gắng kiến tạo những hoàn cảnh sống tốt đẹp hơn, và củng cố hòa bình thế giới, bằng cách đấu tranh chống lại đói khát, dốt nát và bệnh tật. Trong hoạt động này, các tín hữu hãy tìm cách cộng tác cách thận trọng vào những công cuộc đã được các tổ chức tư cũng như công, các chính phủ, các cơ quan quốc tế, các cộng đoàn Ki-tô giáo khác nhau, hay các tôn giáo ngoài Ki-tô giáo khởi xướng.

Tuy nhiên, Giáo Hội không bao giờ muốn can dự vào việc cai trị xã hội trần gian. Giáo Hội không đòi cho mình một quyền hành nào khác ngoài quyền phục vụ nhân loại – với ơn Chúa giúp – trong tình bác ái và trung thành phụng sự (x. Mt 20,26; 23,11).**29**

Qua việc liên kết chặt chẽ với nhân loại trong cuộc sống và trong hoạt động, các môn đệ Chúa Ki-tô hy vọng sẽ trình bày một chứng tá đích thực về Chúa Ki-tô, và dấn thân hoạt động vì phần rỗi của nhân loại, kể cả ở những nơi mà việc rao giảng về Chúa Ki-tô còn bị hạn chế. Thật vậy, họ không mưu tìm sự tiến bộ và thịnh vượng thuần tuý vật chất cho con người, nhưng chủ tâm nâng cao nhân phẩm và tình hợp nhất huynh đệ, bằng cách giảng dạy những chân lý về tôn giáo và luân lý đã được Chúa Ki-tô soi tỏ, để dần dần mở rộng hơn nữa lối đường dẫn đến Thiên Chúa. Như thế, họ giúp con người đạt tới ơn cứu rỗi nhờ yêu mến Thiên Chúa và yêu thương mọi người chung quanh, và làm tỏa sáng mầu nhiệm Chúa Ki-tô, Đấng tác tạo con người mới được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa (x. Ep 4,24), và cũng là Đấng mạc khải tình yêu của Thiên Chúa.

**MỤC 2. RAO GIẢNG TIN MỪNG VÀ QUY TỤ DÂN CHÚA**

**13**

Tại những nơi Thiên Chúa đã mở cửa cho việc rao giảng mầu nhiệm Chúa Ki-tô (x. Cl 4,3), phải tin tưởng và bền chí (x. Cv 4, 13.29.31; 9,27-28; 13,16; 14,3; 19,8; 26,26; 28,31; 1 Ts 2,2; 2 Cr 3,12; 7,4; Pl 1,20; Ep 3,12; 6,19-20) loan báo (x. 1 Cr 9,16; Rm 10,14) cho tất cả mọi người (x. Mc 16,15) nhận biết Thiên Chúa hằng sống và Đấng Ngài sai đến cứu chuộc mọi người là Chúa Ki-tô (x. 1 Ts 1,9-10; 1 Cr 1,18-21; Gl 1,31; Cv 14,15-17; 17,22-31), để những người ngoài Ki-tô giáo được Chúa Thánh Thần mở lòng (x. Cv 16,14,) tự ý trở về với Chúa trong niềm tin, và thành tâm gắn bó với Đấng là “đường, là sự thật và là sự sống” (Ga 14,6), Đấng lấp đầy mọi ước vọng thiêng liêng và còn ban ơn phúc dư đầy vô tận.

Dĩ nhiên phải hiểu việc trở lại mới chỉ là bước đầu, nhưng cũng đủ để con người nhận thức rằng, khi đã từ bỏ tội lỗi, con người sẽ được dẫn vào mầu nhiệm tình yêu Thiên Chúa, Đấng mời gọi họ bước vào mối tương quan với Ngài trong Chúa Ki-tô. Thật vậy, nhờ ơn Chúa tác động, các tân tòng khởi sự cuộc hành trình thiêng liêng, qua đó, khi thông dự vào mầu nhiệm Tử nạn và Phục sinh nhờ đức tin, họ biến đổi từ con người cũ thành con người mới toàn thiện trong Chúa Ki-tô (x. Cl 3,5-10; Ep 4,20-24). Sự biến đổi này, trong khi làm cho cách suy nghĩ và cách sống con người dần dần thay đổi, phải thể hiện ra bên ngoài với những hệ quả trong đời sống xã hội và phải tiến triển dần dần trong thời gian học giáo lý dự tòng. Khi tin vào Chúa là dấu chỉ của sự chống đối (x. Lc 2,34; Mt 10,34-39), người tân tòng thường phải trải qua cảm nghiệm của những cắt đứt và phân cách, nhưng cũng nếm được niềm vui vô tận Chúa ban (x. 1 Ts 1,6).

Giáo Hội cấm ngặt không ai được ép buộc hay dùng những cách thức bất chính để dụ dỗ hay lôi kéo người khác theo đạo, đồng thời cũng cương quyết đòi cho con người quyền không bị hăm dọa để bỏ đạo vì những bách hại bất công.**30**

Theo thói quen rất lâu đời của Giáo Hội, phải cứu xét những động lực tòng giáo, và nếu cần, phải thanh luyện những động lực đó.

**14**

Những người được Thiên Chúa ban cho niềm tin vào Chúa Ki-tô qua Giáo Hội,**31** phải được nhận vào lớp dự tòng bằng những lễ nghi phụng vụ; lớp dự tòng không phải chỉ để trình bày giáo thuyết và các giới răn, nhưng là khoá học về toàn bộ đời sống Ki-tô hữu đồng thời cũng là thời gian tập sự cần thiết, để nhờ đó các môn đệ sống gắn bó với Chúa Ki-tô là Thầy. Vì thế, các dự tòng phải được khai tâm đầy đủ về mầu nhiệm cứu độ, tập sống theo Tin Mừng, và qua các nghi lễ thánh được cử hành theo từng giai đoạn liên tục**32** họ được dẫn nhập vào đời sống đức tin, phụng vụ và bác ái của Dân Chúa.

Sau đó, khi đã được giải thoát khỏi quyền lực tối tăm nhờ việc lãnh nhận các bí tích gia nhập Ki-tô giáo (x. Cl 1,13),**33** cùng chết, cùng được mai táng và cùng sống lại với Chúa Ki-tô (x. Rm 6,4-11; Cl 2,12-13; 1 Pr 3,21-22; Mc 16,16), họ lãnh nhận Chúa Thánh Thần (x. 1 Ts 3,5-7; Cv 8,14-17), Đấng làm cho họ thành nghĩa tử, và cùng với toàn thể Dân Chúa họ cử hành lễ tưởng niệm việc Chúa chịu chết và sống lại.

Thánh Công Đồng ước mong phụng vụ mùa Chay và mùa Phục sinh được cải tổ thế nào để chuẩn bị tâm hồn các dự tòng cử hành mầu nhiệm vượt qua với những nghi thức long trọng, trong đó họ được tái sinh nhờ Chúa Ki-tô qua bí tích Thánh Tẩy.

Lớp khai tâm Ki-tô giáo trong thời gian dự tòng không phải chỉ là việc riêng của các giảng viên giáo lý hay của các linh mục, mà còn là của cộng đoàn tín hữu, nhất là những người đỡ đầu, để nhờ đó ngay từ đầu, các dự tòng cảm thấy mình được thuộc về Dân Chúa. Và vì đời sống của Giáo Hội là đời sống tông đồ, nên các dự tòng cũng phải học biết cộng tác tích cực vào việc rao giảng Tin Mừng và xây dựng Giáo Hội bằng chứng tá đời sống và việc tuyên xưng đức tin.

Sau cùng, tình trạng pháp lý của dự tòng phải được ấn định rõ ràng trong Giáo Luật mới. Quả thật, họ đã được kết hợp với Giáo Hội,**34** đã thuộc về gia đình Chúa Ki-tô**35** và thường cũng đã thực thi đời sống tin, cậy, mến.

**MỤC 3. VIỆC THÀNH LẬP CỘNG ĐOÀN KI-TÔ GIÁO**

**15**

Nhờ hạt giống Lời Chúa và việc rao giảng Tin Mừng, Chúa Thánh Thần kêu gọi mọi người đến với Chúa Ki-tô và thúc đẩy họ vâng phục đức tin, và khi tái sinh những kẻ tin Chúa Ki-tô trong giếng nước Rửa Tội để sống đời sống mới, Ngài tập họp họ thành đoàn Dân Chúa duy nhất, là “giống nòi được tuyển chọn, hàng tư tế vương giả, là dân thánh, dân riêng của Chúa” (1 Pr 2,9).**36**

Vì thế, các nhà truyền giáo, những cộng sự viên của Thiên Chúa (x. 1 Cr 3,9), phải gầy dựng những cộng đoàn tín hữu biết sống xứng đáng với ơn gọi của mình (x. Ep 4,1), để có thể thi hành các chức năng tư tế, ngôn sứ và vương đế mà Thiên Chúa đã trao ban. Đó chính là cách thế để cộng đoàn Ki-tô hữu trở thành dấu chỉ sự hiện diện của Thiên Chúa nơi trần gian: thật vậy, nhờ Hiến Tế Thánh Thể, họ không ngừng đến với Chúa Cha cùng với Chúa Ki-tô**37** và khi đã được ân cần nuôi dưỡng bằng Lời Chúa,**38** họ làm chứng cho Chúa Ki-tô,**39** và sau cùng dấn bước trong đức ái và nên nhiệt thành trong tinh thần tông đồ.**40**

Do đó, ngay từ đầu, cộng đoàn Ki-tô hữu phải được gầy dựng sao cho có được khả năng tự túc trong những nhu cầu thiết yếu.

Cộng đoàn tín hữu vốn đã có gia sản phong phú về văn hóa của dân tộc, phải bén rễ sâu trong dân chúng: các gia đình đã thấm nhuần tinh thần Tin Mừng phải luôn phát triển**41** và được nâng đỡ nhờ các trường học có chất lượng; phải tổ chức các hội đoàn và các nhóm hoạt động tông đồ giáo dân, để có thể đem tinh thần Tin Mừng thấm nhập toàn thể xã hội. Sau hết, đức bác ái phải tỏa sáng giữa những người công giáo thuộc các Nghi chế khác nhau.**42**

Tinh thần đại kết cũng phải được nuôi dưỡng nơi các tân tòng, để họ nhận thức rõ ràng rằng những anh em tin vào Chúa Ki-tô cũng là môn đệ Chúa Ki-tô, cũng được tái sinh nhờ phép Rửa, cũng được chia sẻ rất nhiều ơn phúc của Dân Chúa. Trong mức độ hoàn cảnh tôn giáo cho phép, phải tìm cách phát động công cuộc đại kết, để khi đã gạt bỏ những thái độ dửng dưng, nhầm lẫn, hay đối kháng vô lối, người công giáo sẽ nỗ lực tối đa trong thái độ hợp tác huynh đệ với những anh em ly khai theo các nguyên tắc trong Sắc lệnh về Đại kết, qua việc cùng nhau tuyên xưng một đức tin vào Thiên Chúa và Chúa Giê-su Ki-tô trước mặt Muôn Dân, và cùng nhau cộng tác trong lãnh vực xã hội và kỹ thuật cũng như văn hóa và tôn giáo. Họ cộng tác với nhau trước tiên vì Chúa Ki-tô, Chúa chung của mọi người: nguyện Danh Người liên kết họ lại! Việc cộng tác phải được thực hiện không chỉ giữa các cá nhân với nhau, nhưng còn giữa các Giáo Hội hoặc những cộng đồng Giáo hội trong những công trình chung, tùy theo sự phân định của Đấng Bản quyền địa phương.

Các Ki-tô hữu được quy tụ từ các Dân Tộc vào trong Giáo Hội, “không vì thể chế, không vì ngôn ngữ, cũng không vì tổ chức xã hội trần gian mà phân cách với những người khác”,**43** nên họ phải sống cho Thiên Chúa và cho Chúa Ki-tô với chính phong cách sống tốt lành của dân tộc mình; là công dân tốt, họ phải thực sự và tích cực vun đắp lòng yêu nước, tuy nhiên phải hết sức tránh xa thái độ phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa quốc gia quá khích, phải cổ võ tình yêu thương đại đồng của nhân loại.

Để đạt tới những mục tiêu trên, giáo dân, nghĩa là các Ki-tô hữu đã thuộc về Chúa Ki-tô nhờ bí tích Thánh Tẩy và đang sống giữa thế gian, giữ một vai trò rất quan trọng và đáng được đặc biệt lưu tâm. Thật vậy, phận vụ riêng của họ là khi đã được thấm nhuần tinh thần Chúa Ki-tô, họ phải như men trong bột để tác động từ bên trong và sắp đặt công việc trần thế để chúng luôn luôn được thực hiện theo ý Chúa Ki-tô.**44**

Tuy nhiên, không phải chỉ cần hiện diện và được thiết lập trong một dân tộc nào đó, hay chỉ cần làm việc tông đồ bằng gương lành là đã đủ, nhưng dân Ki-tô giáo được thiết lập và hiện diện chính là để dùng lời nói và việc làm loan báo Chúa Ki-tô cho những người đồng hương ngoài Ki-tô giáo, và giúp họ đón nhận Chúa Ki-tô cách trọn vẹn.

Ngoài ra, để gầy dựng Giáo Hội và phát triển cộng đoàn Ki-tô giáo, cần phải có nhiều thừa tác vụ khác nhau, nảy sinh từ lời mời gọi của Chúa trong chính cộng đoàn tín hữu, những tác vụ đó phải được mọi người đặc biệt chăm lo cổ võ và vun trồng, trong đó có chức linh mục, phó tế và giảng viên giáo lý cũng như công giáo tiến hành. Cũng thế, bằng lời cầu nguyện hay những công tác hoạt động, các nam nữ tu sĩ phải thực thi nhiệm vụ thiết yếu là làm cho Vương quyền Chúa Ki-tô được bén rễ, được củng cố và tăng triển thêm mãi trong các tâm hồn.

**16**

Giáo Hội rất vui mừng cảm tạ Thiên Chúa vì đã rộng ban hồng ân vô giá là ơn gọi làm linh mục cho biết bao thanh niên trong các dân tộc mới quay về với Chúa Ki-tô. Thật vậy, Giáo Hội càng bén rễ vững chắc hơn trong cộng đồng nhân loại, khi chính các thành viên của cộng đồng tín hữu trở thành thừa tác viên mang lại ơn cứu rỗi để phục vụ anh em mình trong chức vụ Giám mục, Linh Mục cũng như Phó Tế, và dần dần các Giáo Hội trẻ có được cơ cấu giáo phận với hàng giáo sĩ riêng.

Những điều mà Công Đồng ấn định về ơn kêu gọi và việc đào tạo linh mục, phải được tuân giữ nghiêm túc tại những nơi Giáo Hội mới được gầy dựng cũng như trong những Giáo Hội còn non trẻ. Phải hết sức chú trọng đến những điều đã được đề cập về việc phải liên kết chặt chẽ công cuộc huấn luyện thiêng liêng với việc học hỏi về giáo thuyết và mục vụ, về việc sống theo chuẩn mực Tin Mừng chứ không tìm lợi lộc cho cá nhân hay gia đình, về việc tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của mầu nhiệm Giáo Hội. Từ đó, họ học biết cách tận hiến toàn thân để phục vụ Nhiệm Thể Chúa Ki-tô và rao giảng Tin Mừng, biết liên kết với Giám mục như những cộng sự viên trung thành, đồng thời cộng tác với các anh em linh mục khác.**45**

Để đạt tới mục đích này, toàn bộ việc giáo dục chủng sinh phải được tổ chức dưới ánh sáng của mầu nhiệm cứu rỗi như đã được trình bày trong Thánh Kinh. Họ phải khám phá và sống mầu nhiệm Chúa Ki-tô, cũng như mầu nhiệm cứu độ nhân loại được thực hiện trong Phụng Vụ.**46**

Những đòi hỏi chung đối với việc huấn luyện các ứng viên linh mục trong lãnh vực mục vụ và thực hành, theo như tiêu chuẩn của Công Đồng,**47** phải được phối hợp với nỗ lực tiếp cận lối suy tư và hành động đặc thù của dân tộc mình. Vì thế, tâm trí chủng sinh phải được mở rộng và mài giũa để có thể hiểu biết và phán đoán đúng đắn về nền văn hóa dân tộc; trong các môn triết học và thần học, chủng sinh phải tìm hiểu thấu đáo những liên lạc giữa truyền thống và tôn giáo dân tộc với Ki-tô giáo.**48** Cũng thế, việc huấn luyện phải hướng đến những nhu cầu mục vụ của từng miền: chủng sinh phải học biết lịch sử, mục đích và phương pháp hoạt động của Giáo Hội, những hoàn cảnh đặc biệt về xã hội, kinh tế và văn hóa của dân tộc mình. Họ phải được giáo dục trong tinh thần đại kết và phải được chuẩn bị đầy đủ để đối thoại trong tình huynh đệ với những người ngoài Ki-tô giáo.**49** Tất cả điều đó đòi hỏi phải quan tâm tối đa để việc học tập hướng đến chức linh mục được thực hiện trong chính khung cảnh sống và trong sự giao tiếp với dân tộc.**50** Sau hết, phải chú ý đào tạo khả năng quản trị trong lãnh vực giáo đoàn, và cả trong lãnh vực kinh tế.

Hơn nữa phải chọn một số linh mục có khả năng, sau khi đã có một số kinh nghiệm mục vụ, đi học các khoá học cao hơn tại các Đại Học, kể cả ở ngoại quốc, nhất là ở Rôma, và tại các Học Viện khoa học khác, để chuẩn bị cho hàng giáo sĩ địa phương của các Giáo Hội trẻ những linh mục có kiến thức và kinh nghiệm thích đáng có thể đảm trách những phận vụ khó khăn hơn trong Giáo Hội.

Nơi nào Hội Đồng Giám mục xét là thích hợp, nên thiết lập lại bậc sống phó tế vĩnh viễn theo tiêu chuẩn của Hiến Chế “về Giáo Hội”.**51** Thật vậy, thật là hữu ích nếu những người đang đảm nhận một tác vụ thực ra thuộc về các phó tế, hoặc đang truyền dạy lời Chúa như các giảng viên giáo lý, hoặc đang thay mặt cha xứ và Giám mục điều hành các cộng đoàn Ki-tô giáo ở những vùng xa, hoặc đang thực thi bác ái trong những hoạt động xã hội hay từ thiện, được củng cố thêm nhờ việc đặt tay lưu truyền từ các Tông Đồ và được kết hợp chặt chẽ với bàn thánh hơn, để thi hành thừa tác vụ của mình cách hữu hiệu hơn nhờ ơn bí tích của chức phó tế.

**17**

Cũng thế, đội ngũ giảng viên giáo lý nam cũng như nữ thật sự rất đáng khen ngợi và có công rất lớn trong việc truyền giáo cho Muôn Dân; là những người thấm nhuần tinh thần tông đồ, họ vất vả rất nhiều để mang lại sự trợ giúp đặc biệt và vô cùng cần thiết cho việc truyền bá đức tin và mở rộng Giáo Hội.

Trong thời đại hôm nay, phận vụ của các giáo lý viên rất quan trọng vì số giáo sĩ quá ít không đủ để rao giảng Tin Mừng cho số người quá đông, cũng như không đủ để thi hành mục vụ. Vì thế, việc huấn luyện giáo lý viên phải được thực hiện và thích nghi với đà tiến bộ văn hóa, để như những cộng tác viên đắc lực của hàng linh mục, họ có thể thực thi cách tốt đẹp nhất phận vụ đang đặt trên vai họ những trọng trách mới mẻ và rộng lớn hơn.

Bởi vậy phải tăng thêm nhiều cơ sở cấp giáo phận và cấp vùng, trong đó các giáo lý viên tương lai vừa được học hỏi về giáo lý công giáo, nhất là về môn Thánh Kinh và Phụng Vụ, vừa được học hỏi về phương pháp sư phạm Giáo lý và thực hành mục vụ, đồng thời cũng tập sống theo nền luân lý Ki-tô giáo**52** bằng cách không ngừng cố gắng trau dồi phẩm chất đạo đức và thánh thiện trong cuộc sống. Ngoài ra còn phải có những buổi hội thảo hay những khóa học tập định kỳ, để các giáo lý viên được nâng cấp trong những môn học hay phương pháp hữu ích cho thừa tác vụ cũng như để nuôi dưỡng và củng cố đời sống thiêng liêng. Hơn nữa, đối với những người dấn thân hoàn toàn cho việc dạy giáo lý, phải cấp cho họ một khoản thù lao cân xứng để có được mức sống xứng đáng và được bảo đảm về mặt an sinh xã hội.**53**

Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin sẽ đặc biệt trợ cấp thích đáng cho công cuộc đào tạo và nâng đỡ các giáo lý viên. Nếu thấy cần và thích hợp, phải thành lập một Tổ chức hỗ trợ các giáo lý viên.

Ngoài ra các Giáo Hội cũng tri ân sự hỗ trợ quảng đại và vô cùng cần thiết của các trợ tá giáo lý. Chính họ chủ sự các buổi đọc kinh chung trong cộng đoàn và giảng dạy giáo lý. Vì thế, phải đặc biệt lo cho họ được huấn luyện về giáo lý và đời sống tu đức. Ngoài ra, nơi nào thấy thuận lợi, nên công khai cử hành một nghi thức phụng vụ để ủy thác sứ mệnh theo giáo luật cho các giáo lý viên đã được huấn luyện đầy đủ, để họ được thêm uy tín với dân chúng khi phục vụ đức tin.

**18**

Ngay từ thời kỳ gầy dựng Giáo Hội, phải tận tâm cổ võ nếp sống tu trì, một bậc sống không những đem lại sự trợ lực quý báu và vô cùng cần thiết cho hoạt động truyền giáo, nhưng còn bày tỏ và biểu thị rõ ràng bản tính sâu xa của ơn gọi Ki-tô hữu qua việc thánh hiến mật thiết hơn cho Thiên Chúa trong Giáo Hội.**54**

Khi tận tụy hoạt động để gầy dựng Giáo Hội và thấm đẫm nguồn ơn phúc huyền nhiệm đã từng làm vẻ vang truyền thống tu trì của Giáo Hội, các Hội dòng phải cố gắng diễn tả và chuyển thông nguồn ơn phúc đó tùy theo năng lực và đặc tính của mỗi dân tộc. Phải quan tâm tìm ra phương thức để đời sống tu trì Ki-tô giáo có thể tiếp nhận những truyền thống khổ hạnh và chiêm niệm, mà đôi khi Thiên Chúa đã gieo mầm trong các nền văn hóa cổ xưa trước khi Tin Mừng được rao giảng.

Những hình thức đời sống tu trì khác nhau phải được vun trồng nơi những Giáo Hội trẻ để vừa biểu hiện những khía cạnh khác nhau trong sứ mệnh của Chúa Ki-tô và đời sống của Giáo Hội, vừa đáp ứng cho những công tác mục vụ khác nhau, đồng thời để chuẩn bị cho những thành viên của các Hội dòng sẵn sàng thực thi các công tác đó. Tuy nhiên, Hội Đồng Giám mục phải thận trọng, không nên thiết lập thêm nhiều các Tu Hội có mục tiêu hoạt động tông đồ giống nhau, để tránh gây thiệt hại cho đời sống tu trì và chính công việc tông đồ.

Cũng cần đặc biệt nhắc tới những đề xướng trong việc vun trồng đời sống chiêm niệm, có người chủ trương duy trì những yếu tố căn bản của các Hội dòng Đan tu, nhưng tìm cách gắn kết vào đó truyền thống phong phú của Dòng mình, có người lại trở về với những hình thức đơn thuần của bậc đan tu trước đây. Tuy nhiên, tất cả phải cố gắng tìm cách để thực sự thích nghi với những hoàn cảnh địa phương. Thật vậy, nên thiết lập khắp nơi đời sống chiêm niệm vốn làm nên tính cách trọn vẹn cho sự hiện diện của Giáo Hội.

**CHƯƠNG III. CÁC GIÁO HỘI ĐỊA PHƯƠNG**

**19**

Việc gầy dựng Giáo Hội nơi một cộng đồng nhất định kể như là đã đạt tới mục đích, khi cộng đoàn tín hữu đã bén rễ trong đời sống xã hội và đã phù hợp phần nào với văn hóa địa phương, đồng thời cũng đã ổn định và vững mạnh, nghĩa là đã có nguồn nhân lực riêng khá dồi dào, tuy chưa hẳn đầy đủ, gồm các linh mục, tu sĩ và giáo dân địa phương, đã có những thừa tác vụ và những tổ chức cần thiết cho việc lãnh đạo và sự tăng triển đời sống của đoàn Dân Chúa, dưới sự hướng dẫn của vị Giám mục bản quyền.

Trong những Giáo Hội còn non trẻ đó, đời sống Dân Chúa phải đạt đến sự trưởng thành về mọi phương diện của đời sống Ki-tô hữu đã được canh tân theo những nguyên tắc đã được Công Đồng đề ra, đó là các cộng đoàn tín hữu càng ngày càng ý thức hơn rằng mình phải trở nên những cộng đoàn sống đức tin, cử hành phụng vụ và thực thi bác ái; qua các hoạt động dân sự và tông đồ, người giáo dân phải nỗ lực kiến tạo bác ái và công bình trong xã hội; phải sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội cách thích hợp và khôn ngoan; các gia đình phải sống đời Ki-tô hữu đích thực để trở nên những vườn ươm cho ơn gọi tông đồ giáo dân, cũng như ơn gọi linh mục và tu sĩ. Sau hết, đức tin phải được hướng dẫn nhờ chương trình giáo lý thích hợp, được cử hành trong phụng vụ phù hợp với sắc thái dân tộc, và được đưa vào các tổ chức đoàn thể cũng như các tập tục địa phương, theo đúng quy định của giáo luật.

Còn các Giám mục, luôn hợp nhất với linh mục đoàn của mình và ngày càng thấm nhuần cảm thức của Chúa Ki-tô và Giáo Hội, phải biết cảm nhận và sống cùng với Giáo Hội toàn cầu. Các Giáo Hội trẻ phải duy trì mối thông hiệp mật thiết với toàn thể Giáo Hội và phải liên kết những yếu tố của truyền thống Giáo Hội với nền văn hóa riêng, để nhờ được trao đổi sinh lực cho nhau mà đời sống Nhiệm Thể được tăng trưởng.**55** Do đó, phải trau dồi những yếu tố thần học, tâm lý và nhân bản có thể góp phần vào việc cổ võ cảm thức thông hiệp cùng toàn thể Giáo Hội.

Nhưng vì các Giáo Hội này thường ở những miền khá nghèo túng nên nhiều khi vẫn còn rất thiếu linh mục cũng như những viện trợ vật chất. Vì thế, hoạt động truyền giáo liên tục của toàn thể Giáo Hội phải đảm nhận việc trợ cấp để trước hết giúp cho Giáo Hội địa phương phát triển và giúp cho đời sống Ki-tô hữu được trưởng thành. Hoạt động truyền giáo này cũng phải giúp đỡ các Giáo Hội tuy đã thành lập từ lâu, nhưng đang bị rơi vào tình trạng thoái hóa và suy yếu.

Tuy nhiên, các Giáo Hội đó phải khôi phục lòng nhiệt thành mục vụ chung và những hoạt động thích ứng, để nhờ đó số ơn kêu gọi vào hàng giáo sĩ giáo phận và vào các Hội dòng được gia tăng, được biện phân cách chắc chắn hơn và được huấn luyện hữu hiệu hơn,**56** sao cho dần dần các Giáo Hội đó có thể tự túc và giúp đỡ các Giáo Hội khác.

**20**

Vì Giáo Hội địa phương phải phản ảnh Giáo Hội hoàn vũ cách thật hoàn hảo, nên cần nhận thức rõ ràng rằng mình cũng được sai đến với những người chưa tin vào Chúa Ki-tô đang sống trong cùng địa hạt, để nhờ chứng tá đời sống của mỗi tín hữu và toàn thể cộng đoàn, Giáo Hội này trở thành dấu chỉ cho họ nhận biết Chúa Ki-tô.

Ngoài ra thừa tác vụ Lời Chúa rất cần để Tin Mừng đến được với mọi người. Do đó, trước hết Giám mục phải là người rao giảng đức tin để dẫn đưa các môn đệ mới đến với Chúa Ki-tô.**57** Để chu toàn tốt đẹp phận vụ cao cả đó, ngài phải thấu hiểu tường tận hoàn cảnh sống của đoàn chiên, cũng như những quan điểm riêng tư của dân chúng địa phương về Thiên Chúa, đồng thời ngài cũng phải đặc biệt quan tâm đến những chuyển biến phát sinh từ hiện tượng vẫn được gọi là đô thị hóa, từ việc di dân và chủ trương lãnh đạm đối với tôn giáo.

Các linh mục bản xứ ở những Giáo Hội trẻ phải hăng say dấn thân vào việc rao giảng Tin Mừng bằng cách tổ chức hoạt động chung với những vị thừa sai ngoại quốc, họp nhau thành một linh mục đoàn duy nhất, liên kết dưới quyền Giám mục, không những để chăn dắt các tín hữu và cử hành việc phụng tự, nhưng còn để rao giảng Tin Mừng cho những người ngoài Giáo Hội. Các ngài phải luôn sẵn sàng, và khi có dịp, phải hăng say tình nguyện để Đức Giám mục sai đi khởi công truyền giáo tại những miền xa xôi và ít người tìm đến trong giáo phận mình hoặc tại các giáo phận khác.

Các tu sĩ nam nữ và cả giáo dân cũng phải thể hiện nhiệt tâm truyền giáo đối với đồng bào, nhất là với những người nghèo khổ.

Các Hội Đồng Giám mục phải quan tâm tổ chức những khóa tu nghiệp định kỳ về Thánh Kinh, thần học, tu đức và mục vụ, để giúp hàng giáo sĩ, giữa những thực tại đầy phức tạp và nhiều biến chuyển, được hiểu biết đầy đủ hơn về thần học và phương pháp mục vụ.

Đàng khác, cũng phải tuân giữ chu đáo những điều Công Đồng đã quyết nghị, đặc biệt trong Sắc Lệnh về Chức vụ và đời sống linh mục.

Để có thể chu toàn công cuộc truyền giáo của Giáo Hội địa phương, cần có những thừa tác viên đủ khả năng, được chuẩn bị đúng lúc và thích hợp với hoàn cảnh của từng Giáo Hội. Thật vậy, con người càng ngày càng sống quy tụ trong những cộng đồng, vì thế các Hội Đồng Giám mục rất nên thiết lập những kế hoạch chung để tổ chức đối thoại với những cộng đồng đó. Nếu trong một vài miền có những nhóm người không muốn đón nhận đức tin công giáo vì không thể thích ứng với hình thức đặc biệt của Giáo Hội tại địa phương đó, cần phải tìm kiếm một phương thức đặc biệt thích hợp với hoàn cảnh,**58** cho đến khi tất cả các Ki-tô hữu có thể quy tụ thành một cộng đoàn duy nhất. Mỗi Giám mục nên mời gọi hoặc sẵn lòng đón nhận vào giáo phận những nhà truyền giáo mà Toà Thánh đã dành riêng cho mục đích này, và tích cực ủng hộ hoạt động của những người ấy.

Để nhiệt tâm truyền giáo được phát huy nơi chính những anh em bản xứ, các Giáo Hội trẻ rất nên tham gia vào công cuộc truyền giáo phổ quát của Giáo Hội càng sớm càng tốt, bằng cách gửi những nhà truyền giáo của mình đi rao giảng Tin Mừng khắp nơi trên hoàn cầu, dù mình còn thiếu giáo sĩ. Thật vậy, tình hiệp thông với Giáo Hội hoàn vũ sẽ nên trọn hảo khi chính các Giáo Hội trẻ cũng tích cực tham gia và hoạt động truyền giáo nơi các dân tộc khác.

**21**

Giáo Hội chưa được thiết lập thực sự, chưa sống đầy đủ, cũng chưa là dấu chỉ tuyệt hảo của Chúa Ki-tô giữa loài người, nếu chưa có hàng giáo dân đích thực và nếu hàng giáo dân này chưa cùng làm việc với hàng Giáo phẩm. Thật vậy, Tin Mừng không thể đi sâu vào tinh thần, đời sống và sinh hoạt của một dân tộc nếu không có sự hiện diện linh hoạt của giáo dân. Do đó, ngay khi thiết lập Giáo Hội phải hết sức chú tâm đến việc đào tạo những Ki-tô hữu giáo dân trưởng thành.

Thật vậy, các tín hữu giáo dân trọn vẹn thuộc về Dân Chúa đồng thời cũng thuộc về xã hội trần thế: một đàng, họ được sinh ra nơi một dân tộc, được chia sẻ kho tàng văn hóa của dân tộc ấy nhờ việc giáo dục, liên kết với đời sống dân tộc bằng nhiều mối liên hệ xã hội khác nhau, cộng tác vào sự tiến bộ của dân tộc qua nghề nghiệp, cảm nhận và cố gắng giải quyết những vấn đề của dân tộc như là những vấn đề của chính họ; đàng khác, họ cũng thuộc về Chúa Ki-tô, vì đã được tái sinh trong Giáo Hội bằng đức tin và phép Rửa, để nhờ đời sống mới và các hoạt động, họ là của riêng Chúa Ki-tô (x. 1 Cr 15,23), để mọi sự quy phục Thiên Chúa trong Chúa Ki-tô và như thế, Thiên Chúa có toàn quyền trên muôn loài (x. 1 Cr 15,28).

Nhiệm vụ chính của giáo dân, nam cũng như nữ, là làm chứng về Chúa Ki-tô bằng cách sống cũng như bằng lời nói, trong gia đình, trong các đoàn thể xã hội, cũng như trong môi trường nghề nghiệp. Thật vậy, họ phải biểu lộ con người mới đã được tạo dựng theo hình ảnh Thiên Chúa, trong sự công chính và thánh thiện của chân lý (x.Ep 4,24). Họ phải thể hiện nếp sống mới đó trong môi trường xã hội và văn hóa của quê hương, theo truyền thống của dân tộc mình. Chính họ phải hiểu biết, tu chỉnh, bảo tồn, cải tiến theo những hoàn cảnh mới, và sau cùng phải hoàn thiện nền văn hoá đó trong Chúa Ki-tô, để niềm tin vào Chúa Ki-tô và đời sống Giáo Hội không còn xa lạ với xã hội họ đang sống, nhưng bắt đầu thấm nhiễm và cải hóa xã hội. Họ phải liên kết với đồng bào mình bằng tình bác ái chân thành, để trong cách sống của họ xuất hiện một mối dây mới của sự hiệp nhất và tình liên đới đại đồng khởi phát từ mầu nhiệm Chúa Ki-tô. Họ cũng phải gieo rắc niềm tin vào Chúa Ki-tô nơi những người có chung môi trường sống hay cùng chung ngành nghề; đây là một nhiệm vụ khẩn thiết vì nhiều người chỉ có thể nghe Tin Mừng và nhận biết Chúa Ki-tô nhờ những giáo dân sống gần bên họ. Hơn nữa, nơi nào có thể, giáo dân phải được chuẩn bị để cộng tác trực tiếp hơn với hàng Giáo phẩm trong việc thực thi sứ mệnh đặc biệt là loan báo Tin Mừng và truyền thông giáo lý Ki-tô giáo để Giáo Hội mới khai sinh được thêm vững mạnh.

Các thừa tác viên của Giáo Hội phải đánh giá cao việc tông đồ đầy khó khăn của người giáo dân. Các ngài phải huấn luyện sao cho giáo dân, với tư cách là chi thể của Chúa Ki-tô, luôn ý thức về trách nhiệm của mình đối với tất cả mọi người; phải giúp họ thấu hiểu sâu xa về mầu nhiệm Chúa Ki-tô, chỉ dẫn họ những phương pháp thực hành, và đồng hành với họ trong những lúc khó khăn, theo tinh thần của Hiến Chế về Giáo Hội và Sắc Lệnh về Tông đồ giáo dân.

Vì thế, trong khi Chủ Chăn và giáo dân vẫn giữ đúng phận vụ và trách nhiệm riêng của mình, toàn thể Giáo Hội non trẻ phải trở thành lời chứng duy nhất, sống động và vững chắc về Chúa Ki-tô, để trở nên dấu chỉ rõ ràng của ơn cứu rỗi chúng ta đã lãnh nhận trong Chúa Ki-tô.

**22**

Hạt giống Lời Chúa, vừa nẩy mầm trong đất màu mỡ thấm nhuần sương trời đổ xuống, vừa thu hút biến đổi và tiêu hóa dòng nhựa sống để sau cùng mang lại hoa trái dồi dào. Thật vậy, tương tự như kế đồ Nhập Thể, các Giáo Hội trẻ, khi đã cắm rễ sâu trong Chúa Ki-tô và được xây dựng trên nền tảng các Tông Đồ, nhờ cuộc trao đổi kỳ diệu, tiếp nhận tất cả những sự phong phú của các dân tộc đã được trao cho Chúa Ki-tô làm cơ nghiệp (x. Tv 2,8). Từ những tập quán và truyền thống, từ sự khôn ngoan và nền đạo lý, từ những nghệ thuật và khoa học của dân tộc mình, các Giáo Hội trẻ phải biết chắt lọc tất cả những gì có thể góp phần vào việc tuyên xưng vinh quang của Đấng Tạo Hóa, làm rạng ngời ân sủng của Đấng Cứu Chuộc và thể hiện tốt đẹp đời sống Ki-tô hữu.**59**

Để đạt tới kết quả đó, nơi mỗi vùng rộng lớn cùng trong một khối văn hóa-xã hội, như người ta thường gọi, cần phải thúc đẩy việc suy tư thần học, để trong khi vẫn dõi theo Truyền Thống của Giáo Hội hoàn vũ, sẽ nghiên cứu sâu rộng hơn những gì đã được mạc khải qua hành động và ngôn từ của Thiên Chúa, được ghi chép trong Sách Thánh và đã được các Giáo Phụ và Huấn Quyền giải thích. Nhờ đó sẽ nhận thấy rõ ràng hơn đâu là những lối đường để đức tin, khi đã tiếp thu nền triết lý hay lẽ khôn ngoan của các dân tộc, có thể tìm gặp lý trí, đồng thời cũng tìm ra những phương thức để các phong tục, quan điểm sống và trật tự xã hội có thể hòa hợp với lối sống do Chúa mạc khải. Từ đó sẽ mở ra những con đường để thích nghi sâu xa hơn trong mọi lãnh vực của cuộc sống Ki-tô hữu. Nguyên tắc hành động đó sẽ giúp loại trừ mọi hình thức chủ nghĩa hòa đồng và chủ nghĩa cá thể sai lạc, và đời sống Ki-tô hữu sẽ được thích nghi với năng lực và đặc tính của từng nền văn hóa,**60** những truyền thống đặc thù và những đặc tính cá biệt của mỗi gia đình dân tộc, khi đã được ánh sáng Tin Mừng chiếu soi, sẽ được tiếp nhận trong sự hiệp nhất công giáo. Sau cùng, các Giáo Hội mới tại các địa phương, cùng với những truyền thống tốt đẹp riêng, vẫn có chỗ đứng trong tình hiệp thông Giáo Hội, dĩ nhiên vẫn bảo toàn quyền tối thượng của ngai tòa Phêrô đứng đầu toàn thể cộng đoàn đức ái.**61**

Vì thế, điều đáng ước mong, và cũng là điều rất thích hợp, là các Hội Đồng Giám mục ở những miền thuộc cùng một khối văn hóa-xã hội hợp nhất với nhau để có thể đồng tâm hợp ý thực hiện công cuộc thích nghi đó.

**CHƯƠNG IV. CÁC NHÀ TRUYỀN GIÁO**

**23**

Dù tất cả các môn đệ của Chúa Ki-tô đều có bổn phận góp phần vào công cuộc gieo vãi đức tin,**62** nhưng trong số các môn đệ, Chúa Ki-tô luôn kêu gọi những kẻ Người muốn, để họ ở với Người và để Người sai đi giảng dạy muôn dân (x. Mc 3,13t). Vì thế nhờ Chúa Thánh Thần, Đấng phân chia các đặc sủng tùy theo ý Ngài vì lợi ích chung (x. 1 Cr 12,11), Chúa Ki-tô khơi gợi ơn gọi truyền giáo trong tâm hồn từng cá nhân, đồng thời làm xuất hiện trong Giáo Hội những tổ chức**63** đặc biệt đảm trách phận vụ truyền bá Tin Mừng của toàn thể Giáo Hội.

Do đó, những người có tư chất thích hợp, đủ năng lực tinh thần và trí tuệ, sẵn sàng lãnh nhận công cuộc truyền giáo, đều được kể là có ơn gọi đặc biệt,**64** dù là người địa phương hay ngoại quốc, là linh mục, tu sĩ hay giáo dân. Được sai đi bởi những vị có thẩm quyền hợp pháp, với đức tin và thái độ vâng phục, họ ra đi đến với những người cón xa lạ với Chúa Ki-tô, bởi họ được dành riêng để lo công việc mà họ được chọn để thi hành (x. Cv 13,2) như là những thừa tác viên của Tin Mừng, “để hiến lễ của chư dân được chấp nhận và thánh hóa trong Chúa Thánh Thần” (Rm 15,16).

**24**

Con người phải đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa đến độ không còn lệ thuộc xác thịt tự nhiên (x. Gl 1,16) để hoàn toàn dấn thân phục vụ Tin Mừng. Nhưng thái độ đáp trả này không thể thực hiện nếu không được Chúa Thánh Thần thúc đẩy và củng cố. Thật vậy, kẻ được sai đi phải thấm nhuần đời sống và sứ vụ của Đấng đã “tự hủy mình đi khi nhận lấy thân nô lệ” (Pl 2,7). Do đó, họ phải sẵn sàng để suốt đời kiên vững trong ơn gọi, phải từ bỏ chính mình cũng như tất cả những gì mình có và “trở nên tất cả cho mọi người” (1 Cr 9,22).

Trong khi rao giảng Tin Mừng giữa muôn dân, nhà truyền giáo phải mạnh dạn và tin tưởng làm cho người ta nhận biết mầu nhiệm Chúa Ki-tô mà họ là sứ giả, đến nỗi trong Người, họ dám nói vì bổn phận phải nói (x. Ep 6,19t; Cv 4,31), và không xấu hổ về sự ô nhục của thập giá. Theo gương Thầy, Đấng hiền lành và khiêm nhượng trong lòng, họ phải cho thấy ách của Người êm ái và gánh của Người nhẹ nhàng (Mt 11,29t). Họ phải làm chứng về Chúa của họ bằng nếp sống theo Tin Mừng đích thực,**65** đầy kiên nhẫn, đại lượng, nhân hậu, yêu mến chân thành (x. 2 Cr 6,4t), và nếu cần, họ sẵn sàng đổ máu. Họ sẽ nài xin Thiên Chúa lòng can đảm và sức mạnh để nhận ra niềm vui tràn đầy khi gặp thử thách khổ tâm và thiếu thốn cùng cực (x. 2 Cr 8,2). Họ phải xác tín rằng đức vâng phục là sức mạnh đặc biệt của những thừa tác viên của Chúa Ki-tô, Đấng đã dùng sự vâng phục để cứu nhân loại.

Những người rao giảng Tin Mừng đừng thờ ơ với ân sủng đã lãnh nhận, nhưng hãy tự canh tân tâm trí mỗi ngày (x. 1 Tm 4,14; Ep 4,23; 2 Cr 4,16). Vì thế, các Đấng Bản Quyền và Bề Trên phải hội họp các nhà truyền giáo vào những thời gian nhất định, để họ được củng cố nhờ niềm cậy trông của ơn gọi, và được canh tân trong thừa tác vụ tông đồ, đồng thời cũng nên lập các cơ sở thích hợp với công việc này.

**25**

Để đảm nhận công tác cao trọng đó, nhà truyền giáo tương lai phải được đào tạo đặc biệt về đời sống thiêng liêng và luân lý.**66** Thật vậy, họ phải nhanh chóng lập kế hoạch, kiên trì hoàn tất công việc, bền chí trong khó khăn, nhẫn nại và can đảm chịu đựng nỗi cô quạnh, sự mệt nhọc và những cố gắng vô hiệu. Họ sẽ đến gặp gỡ mọi người với tâm hồn rộng mở, với con tim bao dung, tự nguyện lãnh nhận nhiệm vụ được giao phó, quảng đại thích nghi cả với những phong tục khác biệt của các dân tộc và những điều kiện sinh hoạt đổi thay, đồng tâm, tương ái cộng tác với anh em và những người đang cùng dấn thân hoạt động truyền giáo, để theo gương cộng đoàn thời các Tông Đồ, họ cùng với các tín hữu luôn đồng tâm nhất trí (x. Cv 2,42; 4,32).

Ngay trong giai đoạn đào tạo, những tâm hướng đó phải được chuyên cần thực hành, trau dồi, phát triển, và được nuôi dưỡng nhờ đời sống thiêng liêng. Thấm nhuần đức tin sống động và đức cậy vững vàng, nhà truyền giáo phải là con người cầu nguyện; phải hăng say nhiệt thành trong tinh thần can đảm, yêu thương và tự chủ (x. 2 Tm 1,7); phải học quen tự túc trong mọi hoàn cảnh (x. Pl 4,11); phải lấy tinh thần hy sinh mà mang nơi thân mình cuộc thương khó của Chúa Giê-su để sự sống Chúa Giê-su tác động trong những người họ được sai đến (x. 2 Cr 4,10t); vì lòng nhiệt thành đối với các linh hồn, họ phải tự nguyện hy sinh mọi sự và tiêu hao chính bản thân vì các linh hồn (x. 2 Cr 12,15t), để như vậy họ “gia tăng tình yêu Thiên Chúa và tha nhân bằng việc thi hành nhiệm vụ hằng ngày”.**67** Như thế, vâng theo ý Chúa Cha, họ sẽ cùng với Chúa Ki-tô tiếp tục sứ mệnh của Người dưới quyền bính phẩm trật trong Giáo Hội, và sẽ cộng tác vào mầu nhiệm cứu rỗi.

**26**

Như những thừa tác viên tốt lành của Chúa Ki-tô, những ai được sai đến với các dân tộc phải được nuôi dưỡng bằng “lời lẽ đức tin và giáo lý cao đẹp” (1 Tm 4,6) mà họ kín múc trước hết từ Thánh Kinh, trong khi đào sâu Mầu Nhiệm Chúa Ki-tô, Đấng họ phải rao giảng và làm chứng.

Bởi vậy, phải chuẩn bị và đào tạo các nhà truyền giáo – linh mục, tu sĩ nam nữ, giáo dân – tuỳ theo điều kiện riêng của mỗi người để có đủ khả năng đáp ứng những đòi hỏi của công việc họ sẽ thực hiện.**68** Ngay từ đầu, việc học hỏi về giáo thuyết phải được tổ chức thế nào để bao gồm cả tính cách phổ quát của Giáo Hội lẫn sự dị biệt của các dân tộc. Điều đó cũng có giá trị đối với các môn học chuẩn bị cho việc thực thi thừa tác vụ, cũng như với những khoa học hữu ích khác, giúp họ có kiến thức tổng quát về các dân tộc, các nền văn hóa, các tôn giáo, trong quá khứ cũng như trong thời hiện tại. Thật vậy, khi đến với dân tộc nào, phải thật sự quý chuộng di sản, tiếng nói và phong tục của dân tộc đó. Nhà truyền giáo tương lai trước hết cần phải chuyên tâm học hỏi khoa truyền giáo, nghĩa là thấu hiểu giáo thuyết và những quy tắc của Giáo Hội về hoạt động truyền giáo, biết các đường lối mà những người rao giảng Tin Mừng đã từng trải qua bao thế kỷ, và cả tình trạng truyền giáo hiện thời, cũng như những phương pháp hiện nay được coi là hiệu nghiệm hơn cả.**69**

Mặc dù việc giáo dục toàn diện này chú tâm đặc biệt đến phương diện mục vụ, nhưng cũng phải chú ý tới việc đào tạo đặc biệt và có hệ thống cho hoạt động tông đồ, cả về giáo thuyết lẫn thực hành.**70**

Cần phải có thật nhiều nam nữ tu sĩ được học hỏi và chuẩn bị kỹ lưỡng về khoa sư phạm giáo lý để có thể cộng tác vào việc tông đồ cách đắc lực hơn.

Cả những người chỉ đảm nhận một phần công tác truyền giáo trong một thời hạn nào đó cũng cần phải được huấn luyện tương xứng tuỳ theo hoàn cảnh.

Những phương thức đào tạo này phải được bổ túc ở chính những nơi mà họ được sai tới, để các nhà truyền giáo có được kiến thức sâu rộng hơn về lịch sử, cơ cấu xã hội và tập quán của các dân tộc, hiểu biết thấu đáo về trật tự luân lý, luật lệ tôn giáo và cả những quan niệm sâu kín hình thành từ những truyền thống thiêng liêng của các dân tộc về Thiên Chúa, về vũ trụ và về con người.**71** Vì thế, họ phải học để sử dụng thông thạo và trôi chảy ngôn ngữ địa phương, nhờ đó có thể đến với tâm trí và con tim con người cách dễ dàng hơn.**72** Ngoài ra, họ phải được hướng dẫn để hiểu rõ những nhu cầu mục vụ chuyên biệt.

Cũng phải có một số nhà truyền giáo được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn tại những Học Viện Truyền Giáo, hoặc những Phân Khoa hay Đại Học khác để có thể thi hành cách hữu hiệu những trách vụ đặc biệt,**73** và dùng kiến thức uyên bác của mình để giúp đỡ những nhà truyền giáo khác trong việc truyền giáo, nhất là trong thời hiện đại với nhiều khó khăn nhưng cũng nhiều thuận tiện. Hơn nữa, các Hội Đồng Giám mục cấp vùng cũng nên có thêm nhiều chuyên viên trong lãnh vực này và sử dụng hiệu quả những kiến thức, kinh nghiệm của họ trong các nhu cầu của phận vụ. Cũng nên có những người biết sử dụng thông thạo các phương tiện kỹ thuật và truyền thông xã hội là những lãnh vực rất cần được lưu tâm.

**27**

Tất cả những điều đó, mặc dù rất cần thiết cho bất cứ ai được sai đến với các dân tộc, nhưng lại rất khó thực hiện đối với từng cá nhân. Hơn nữa, kinh nghiệm đã cho thấy từng người riêng rẽ không thể chu toàn được công việc truyền giáo, vì thế những người có cùng một ơn gọi nên quy tụ vào những Đoàn Hội, trong đó, nhờ công sức của nhiều người, họ được huấn luyện cách thích hợp và thực thi công cuộc truyền giáo nhân danh Giáo Hội và theo ý muốn của hàng Giáo phẩm. Từ nhiều thế kỷ nay, những Đoàn Hội này đã chấp nhận bao vất vả nhọc nhằn, đã cống hiến trọn vẹn hoặc một phần hoạt động cho công cuộc truyền giáo đầy khó khăn. Tòa Thánh thường ủy thác cho họ việc rao giảng Tin Mừng tại những vùng đất rộng lớn, ở đó họ quy tụ đoàn dân mới cho Thiên Chúa là Giáo Hội địa phương luôn gắn kết với các chủ chăn. Đối với các Giáo Đoàn đã được gầy dựng bằng mồ hôi và cả bằng máu, họ phải đem cả nhiệt tình và kinh nghiệm để phục vụ trong tinh thần cộng tác huynh đệ, hoặc bằng việc coi sóc các linh hồn, hoặc bằng cách thi hành những công tác đặc biệt hướng đến lợi ích chung.

Đôi khi các tổ chức ấy phải đảm nhận một số công tác khẩn cấp hơn cho cả một miền, chẳng hạn việc rao giảng Tin Mừng cho những cộng đồng hay những dân tộc, mà vì nhiều lý do, chưa nhận được, hoặc vẫn còn chống lại sứ điệp Tin Mừng.**74**

Nếu cần, cũng phải sẵn sàng dùng kinh nghiệm để huấn luyện và giúp đỡ những người dấn thân có thời hạn cho hoạt động truyền giáo.

Vì những lý do trên và vì còn nhiều dân tộc phải được dẫn đưa về với Chúa Ki-tô, Giáo Hội vẫn đang rất cần đến những tổ chức đó.

**CHƯƠNG V. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRUYỀN GIÁO**

**28**

Vì nhận được những ân huệ khác nhau (x. Rm 12,6), nên mỗi Ki-tô hữu phải cộng tác vào Tin Mừng tùy theo khả năng, tài sức, đặc sủng và tác vụ của mình (x. 1 Cr 3,10). Do đó tất cả mọi người, kẻ gieo và người gặt (x. Ga 4,37), kẻ trồng và người tưới, phải hợp nhất với nhau ( x. 1 Cr 3,8), để “nhờ cùng nỗ lực trong tự do và trật tự hướng về cùng một cứu cánh”,**75** họ đồng tâm chung sức xây dựng Giáo Hội.

Vì thế công việc của những người rao giảng Tin Mừng và sự trợ giúp của các Ki-tô hữu khác phải được điều hành và phối kết để trong mọi lãnh vực hoạt động và hợp tác truyền giáo, “tất cả được thực hiện trong trật tự” (1 Cr 14,40).

**29**

Vì việc loan báo Tin Mừng cho toàn thế giới trước hết là nhiệm vụ của Giám mục Đoàn,**76** nên Thượng Hội Đồng Giám mục, tức “Hội Đồng Giám mục thường trực phụ trách Giáo Hội toàn cầu”,**77** phải đặc biệt lưu tâm đến một trong những công tác có liên quan đến toàn thể Giáo Hội,**78** đó là hoạt động truyền giáo, một phận vụ rất quan trọng và thánh thiện của Giáo Hội.**79**

Đối với các xứ truyền giáo cũng như tất cả các hoạt động truyền giáo, chỉ một cơ quan Toà Thánh có thẩm quyền, đó là “Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin”, đảm trách việc điều hành và phối hợp công cuộc truyền giáo cũng như sự hợp tác truyền giáo trên toàn thế giới; tuy nhiên quyền của các Giáo Hội Đông Phương vẫn được bảo toàn.**80**

Vẫn biết Chúa Thánh Thần có nhiều cách thức để khơi dậy tinh thần truyền giáo trong Giáo Hội Chúa, và đôi khi Ngài còn đi trước cả hành động của những vị lãnh đạo đời sống Giáo Hội; tuy nhiên, riêng về phần mình, Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin cũng phải cổ võ ơn kêu gọi và tinh thần truyền giáo, lòng nhiệt thành và việc cầu nguyện cho các xứ truyền giáo, đồng thời cũng phổ biến những thông tin chính thức và đầy đủ về những xứ đó. Thánh Bộ cũng phải kêu gọi và phân bổ các nhà truyền giáo đến những nơi có nhu cầu khẩn cấp hơn. Phải sắp đặt kế hoạch hoạt động cho hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn hướng dẫn và những nguyên tắc thích nghi cho việc rao giảng Tin Mừng, đồng thời đẩy mạnh công cuộc truyền giáo. Thánh Bộ phải phát động và phối hợp việc lạc quyên cho có kết quả và phân phối tùy theo nhu cầu hay lợi ích, theo diện tích, theo số tín hữu và lương dân, theo số công tác và tổ chức cũng như theo số thừa tác viên và nhà truyền giáo.

Kết hợp với Văn Phòng cổ võ sự hợp nhất các Ki-tô hữu, Thánh Bộ phải tìm đường lối và phương tiện để kiến tạo cũng như tổ chức sự cộng tác huynh đệ và cả việc hòa hợp với những kế hoạch truyền giáo của các cộng đồng Ki-tô giáo khác, để làm giảm bớt gương xấu của sự chia rẽ càng nhiều càng tốt.

Bởi vậy Thánh Bộ Truyền Giáo cần phải vừa là phương tiện điều hành, vừa là cơ quan chỉ đạo năng động, biết sử dụng những phương pháp khoa học và những phương tiện thích nghi với hoàn cảnh hiện đại, nghĩa là chú trọng đến các khảo cứu đương thời về thần học, phương pháp luận và mục vụ truyền giáo.

Trong việc điều hành Thánh Bộ, phải có sự tham gia tích cực với quyền biểu quyết của những đại biểu được chọn trong số những người cộng tác vào công cuộc truyền giáo: đó là các Giám mục đến từ khắp nơi trên thế giới, do các Hội Đồng Giám mục đề cử, những vị lãnh đạo các Tổ chức và các Hội Giáo Hoàng, theo cách thức và quy tắc do Đức Giáo Hoàng ấn định. Tất cả những vị này được triệu tập theo định kỳ để thực thi việc điều hành tối cao đối với toàn thể công cuộc truyền giáo dưới quyền Đức Giáo Hoàng.

Thánh Bộ này cũng phải có một Ủy Ban Cố Vấn thường trực, gồm các chuyên viên có nhiều kiến thức và kinh nghiệm, một trong những nhiệm vụ của họ là thu thập những tài liệu cần biết về hoàn cảnh địa phương của các miền và về tâm tính của những cộng đồng khác nhau, cũng như về những phương pháp cần phải áp dụng cho việc rao giảng Tin Mừng và đưa ra những kết luận có nền tảng khoa học cho công cuộc truyền giáo và việc cộng tác truyền giáo.

Các Hội dòng Nữ, cũng như những hoạt động địa phương giúp các xứ truyền giáo và cả những tổ chức giáo dân, nhất là những tổ chức quốc tế, đều phải thể hiện đúng vai trò của mình.

**30**

Để việc thực thi công cuộc truyền giáo đạt tới mục đích và mang lại kết quả, tất cả các nhà truyền giáo phải cùng “một lòng một ý” (Cv 4,32).

Đức Giám mục, người lãnh đạo và là tâm điểm hiệp nhất của việc tông đồ trong giáo phận, có nhiệm vụ cổ võ, điều hành và phối hợp hoạt động truyền giáo để duy trì và phát huy lòng nhiệt thành của những người tham gia vào công việc này. Tất cả các nhà truyền giáo, kể cả những tu sĩ miễn trừ, phải phục quyền Ngài trong những công tác thực thi thánh vụ tông đồ.**81** Để phối hợp công việc tốt đẹp hơn, Đức Giám mục nếu có thể nên thiết lập Hội Đồng Mục Vụ, trong đó giáo sĩ, tu sĩ và giáo dân đều được tham gia qua những đại biểu được tuyển chọn. Ngoài ra, Giám mục phải lo liệu để hoạt động tông đồ không chỉ giới hạn cho những người đã tòng giáo, nhưng phải dành một phần nhân lực và vật lực tương đương vào việc rao giảng Tin Mừng cho những người ngoài Ki-tô giáo.

**31**

Các Hội Đồng Giám mục phải họp nhau cứu xét những công việc quan trọng và những vấn đề khẩn cấp hơn, nhưng không được xem nhẹ những dị biệt địa phương.**82** Để khỏi phân tán nhân sự và vật lực còn thiếu thốn, và để khỏi tăng thêm những công việc không cần thiết, nên hợp lực xây dựng những công trình phục vụ lợi ích chung, thí dụ như chủng viện, các trường cao đẳng hay kỹ thuật, những trung tâm mục vụ, giáo lý, phụng vụ và cả những trung tâm cho các phương tiện truyền thông xã hội.

Nếu thuận tiện, cũng nên thiết lập sự cộng tác như thế giữa các Hội Đồng Giám mục.

**32**

Cũng nên phối hợp hoạt động của các Hội Dòng hay Hội Đoàn trong Giáo Hội. Tất cả các Tổ chức, dù thuộc định chế nào, đều phải tùy phục Đấng Bản Quyền địa phương trong bất cứ điều gì liên quan đến chính hoạt động truyền giáo. Vì thế, nên có những thoả thuận đặc cách để quy định những liên lạc giữa Đấng Bản Quyền và vị lãnh đạo của Tổ chức.

Khi một địa hạt được ủy thác cho một Hội Dòng nào, thì Bề Trên của Giáo Hội địa phương và của Hội Dòng đó phải cùng nhất tâm quy hướng tất cả đến mục đích giúp cho cộng đoàn Ki-tô hữu mới thành lập được phát triển thành một Giáo Hội địa phương, để rồi khi đến thời điểm thuận tiện, cộng đoàn sẽ có Chủ chăn và hàng giáo sĩ riêng.

Sau khi việc ủy thác chấm dứt, các điều kiện hoạt động cũng sẽ thay đổi. Khi đó các Hội Đồng Giám mục và các Hội Dòng phải đồng thuận trong việc xác lập những điều lệ áp dụng cho mối tương quan giữa các Đấng Bản Quyền và các Hội Dòng.**83** Phần Tòa Thánh có nhiệm vụ đề ra những nguyên tắc tổng quát để làm cơ sở cho việc ký kết những thoả ước cấp vùng, hoặc cả những thoả thuận đặc biệt.

Tuy các Hội Dòng sẵn sàng tiếp tục công việc đã khởi xướng, bằng cách cộng tác vào các thừa tác vụ thông thường là coi sóc các linh hồn, nhưng khi hàng giáo sĩ địa phương tăng triển, phải trù liệu để các Hội Dòng, trong mức độ phù hợp với mục đích của mình, vẫn luôn thuộc về giáo phận qua việc quảng đại đảm nhận những công tác đặc biệt hay một vùng nào đó trong giáo phận.

**33**

Những Hội Dòng đang hoạt động truyền giáo trong cùng một địa hạt phải tìm đường lối và phương pháp để phối hợp công tác. Vì thế cần phải có những Hội Đồng Nam tu và Hiệp Hội Nữ tu với sự tham gia của tất cả các Tổ chức trong cùng một nước hay một miền. Các Hội Đồng này phải nghiên cứu xem có thể cùng nhau cố gắng làm được những gì, và phải liên kết chặt chẽ với các Hội Đồng Giám mục.

Với lý do tương tự, tất cả những điều trên cũng nên được áp dụng vào việc cộng tác giữa những Tổ chức truyền giáo ngay tại bản xứ, để có thể giải quyết các vấn đề và các công việc chung cách dễ dàng và ít tốn kém hơn, chẳng hạn như việc huấn luyện về giáo thuyết cho các nhà truyền giáo tương lai, các khóa học cho những người đang truyền giáo, việc liên hệ với chính quyền hay với các cơ quan quốc tế và siêu quốc gia.

**34**

Để cho hoạt động truyền giáo được thực thi đúng đắn và có tổ chức chặt chẽ, những người rao giảng Tin Mừng cần phải được chuẩn bị cho nhiệm vụ một cách khoa học, nhất là để đối thoại với các tôn giáo và văn hóa ngoài Ki-tô giáo, đồng thời họ phải được giúp đỡ cách hữu hiệu ngay trong khi thi hành phận vụ, vì thế, để giúp đỡ các xứ truyền giáo, cần có sự cộng tác huynh đệ và quảng đại giữa những tổ chức khoa học đang nghiên cứu khoa truyền giáo và những môn học hay nghệ thuật khác hữu ích cho các xứ truyền giáo như nhân chủng học, ngôn ngữ học, lịch sử học, tôn giáo học, xã hội học, khoa sư phạm mục vụ và những môn tương tự.

**CHƯƠNG VI. SỰ CỘNG TÁC**

**35**

Vì toàn thể Giáo Hội là người truyền giáo và vì công việc rao giảng Tin Mừng là nhiệm vụ căn bản của Dân Chúa, nên Thánh Công Đồng mời gọi mọi người thực hiện cuộc canh tân từ nội tâm, để khi đã ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mỗi người trong việc truyền bá Tin Mừng, tất cả cùng tham gia vào công cuộc truyền giáo cho Muôn Dân.

**36**

Vì là chi thể của Chúa Ki-tô hằng sống, được tháp nhập và nên đồng hình đồng dạng với Người nhờ Bí Tích Rửa Tội, Thêm Sức và Thánh Thể, nên tất cả các Ki-tô hữu đều có bổn phận phải cộng tác vào việc tăng trưởng và phát triển Thân Thể Người, để nhanh chóng đạt tới tầm vóc viên mãn (Ep 4,13).

Vì thế, tất cả những người con của Giáo Hội phải ý thức sâu sắc về trách nhiệm của mình đối với thế giới, phải vun đắp tinh thần công giáo đích thực, và phải dành mọi công sức cho việc rao giảng Tin Mừng. Tuy nhiên, mọi người phải biết rằng bổn phận đầu tiên và quan trọng nhất đối với việc truyền bá đức tin là sống sâu xa đời sống Ki-tô hữu. Vì chính khi nhiệt thành phụng sự Thiên Chúa và bác ái đối với tha nhân, họ mang lại cho toàn thể Giáo Hội một cảm hứng thiêng liêng mới và làm cho Giáo Hội tỏ hiện như dấu chỉ giương cao giữa các dân tộc (x. Is 11,12), là “ánh sáng thế gian” (Mt 5,14) và là “muối đất” (Mt 5,13). Chứng tá đời sống này sẽ đem lại kết quả dễ dàng hơn, nếu cùng được thực hiện chung với các cộng đồng Ki-tô giáo khác, theo những nguyên tắc trong Sắc lệnh về Đại kết.**84**

Với tinh thần đổi mới đó, các Ki-tô hữu sẽ tự phát dâng lên Thiên Chúa các kinh nguyện và việc hy sinh, để nhờ ơn thánh của Ngài, công việc của các nhà truyền giáo đạt được nhiều kết quả, ơn kêu gọi truyền giáo được nẩy nở và những nguồn tài trợ mà các xứ truyền giáo đang cần đến sẽ được dồi dào.

Để tất cả và từng người Ki-tô hữu biết rõ hiện trạng của Giáo Hội trong thế giới, và để họ nghe được tiếng kêu gào của biết bao nhiêu người: “xin giúp chúng tôi” (x. Cv 16,9), nên sử dụng những phương tiện truyền thông xã hội hiện đại để cung cấp những thông tin trong lãnh vực truyền giáo, sao cho khi đã cảm thấy hoạt động truyền giáo là việc của mình, họ mở rộng tâm hồn đáp ứng những nhu cầu bao la và thâm sâu của con người và sẵn sàng giúp đỡ mọi người.

Cũng cần phải phối hợp các tin tức và cộng tác với các cơ quan quốc gia hay quốc tế.

**37**

Đoàn Dân Chúa sống và một cách nào đó hiện diện cách hữu hình trong các cộng đoàn, đặc biệt là tại các giáo phận và giáo xứ, vì thế, các cộng đoàn đó cũng phải minh chứng về Chúa Ki-tô trước mặt Muôn Dân.

Ơn canh tân không thể tăng triển nếu mỗi cộng đoàn không mở rộng phạm vi bác ái đến tận cùng trái đất và không lo lắng cho những kẻ ở xa giống như cho những người thuộc cộng đoàn mình.

Như thế toàn thể cộng đoàn cùng cầu nguyện, cộng tác và hành động giữa các dân tộc qua những người con đã được Thiên Chúa tuyển chọn để thi hành phận vụ rất cao trọng này.

Cũng sẽ rất hữu ích nếu giữ được mối liên lạc với những nhà truyền giáo xuất thân từ chính cộng đoàn, hoặc với một giáo xứ hay giáo phận nào đó trong các xứ truyền giáo, để mối thông hiệp giữa các cộng đoàn trở nên hữu hình và hướng đến việc xây dựng cho nhau, miễn sao đừng xao lãng công cuộc truyền giáo chung của toàn Giáo Hội.

**38**

Tất cả các Giám mục, với tư cách là thành viên của Giám mục Đoàn kế vị Tông Đồ Đoàn, được thánh hiến không phải chỉ để dành cho một giáo phận nào đó, mà là cho ơn cứu độ của toàn thế giới. Mệnh lệnh của Chúa Ki-tô sai đi rao giảng Tin Mừng cho mọi tạo vật (Mc 16,15) trước hết và trực tiếp nhắm tới các Ngài, cùng với Phêrô và dưới quyền Phêrô. Do đó, giữa các Giáo Hội xuất phát một mối hiệp thông và cộng tác rất cần thiết để thực thi công cuộc rao giảng Phúc Âm trong thời đại ngày nay. Vì sự thông hiệp đó, mỗi Giáo Hội đều chăm lo cho tất cả các Giáo Hội khác, thông tin cho nhau về những nhu cầu riêng, cùng nhau chia sẻ những gì mình có, vì phận vụ của toàn thể Giám mục Đoàn là làm cho Thân Thể Chúa Ki-tô được triển nở.**85**

Giám mục và giáo phận của mình kết thành một thực thể duy nhất, vì thế, khi cổ võ, phát động và điều hành công cuộc truyền giáo trong giáo phận, Giám mục bày tỏ và có thể nói là hữu hình hoá tinh thần cũng như nhiệt tâm truyền giáo của đoàn Dân Chúa, nhờ đó toàn thể giáo phận đều là những người truyền giáo.

Bổn phận của Giám mục là khuyến khích cộng đoàn, nhất là những người đang phải bệnh tật và đau khổ, biết quảng đại dâng lên Thiên Chúa những lời kinh nguyện và việc hy sinh để cầu cho công cuộc rao giảng Tin Mừng trên khắp thế giới; ngài phải tích cực cổ võ ơn gọi nơi những người trẻ và các giáo sĩ để gia nhập các Tổ chức truyền giáo, và vui mừng tri ân khi có người được Thiên Chúa chọn gọi dấn thân vào hoạt động truyền giáo của Giáo Hội; ngài phải khích lệ và giúp đỡ các Hội dòng giáo phận tham gia công tác truyền giáo; khuyến khích các tín hữu đóng góp cho hoạt động của các Tổ chức truyền giáo, và nhất là các Hội Giáo Hoàng truyền giáo. Phải dành ưu tiên cho những Tổ chức này vì đây là những phương tiện vừa để người công giáo, ngay từ tuổi thơ, được thực sự thấm nhuần cảm thức về đặc tính phổ quát và truyền giáo của Giáo Hội, vừa để vận động việc quyên góp hữu hiệu nhằm trợ cấp cho tất cả các xứ truyền giáo tùy theo nhu cầu từng nơi.**86**

Vì vườn nho Chúa ngày càng cần có thêm nhiều thợ và vì các linh mục giáo phận cũng ước ao ngày càng được góp phần nhiều hơn vào việc rao giảng Tin Mừng cho thế giới, nên Thánh Công Đồng rất ước mong các Giám mục, khi nghĩ đến việc thiếu linh mục rất trầm trọng đang cản trở việc rao giảng Tin Mừng cho nhiều miền, hãy gửi đến những giáo phận thiếu giáo sĩ một số linh mục có khả năng muốn dấn thân trong hoạt động truyền giáo và đã được chuẩn bị đầy đủ, để họ thi hành tác vụ truyền giáo với tinh thần phục vụ ít là trong một thời gian.**87**

Để hoạt động truyền giáo của các Giám mục có thể thực thi cách hữu hiệu hơn cho lợi ích của toàn thể Giáo Hội, các Hội Đồng Giám mục nên điều hành những công tác liên quan đến việc tổ chức sự cộng tác trong toàn miền.

Trong các Hội Đồng Giám Mục, các ngài nên thảo luận về việc vận động các linh mục thuộc hàng giáo sĩ giáo phận dấn thân rao giảng Tin Mừng cho muôn dân; cũng như ấn định khoản tiền hằng năm phải đóng góp cho công trình tại các xứ truyền giáo, tuỳ theo theo khả năng thu nhập của mỗi giáo phận,**88** điều hành và tổ chức những cách thức và phương tiện trực tiếp nâng đỡ các xứ truyền giáo, hỗ trợ và nếu cần, thiết lập các Tổ chức truyền giáo và các chủng viện đào tạo giáo sĩ giáo phận cho các xứ truyền giáo, phát huy những liên lạc chặt chẽ hơn giữa những Tổ chức ấy với các giáo phận.

Cũng thế, các Hội Đồng Giám Mục nên thiết lập và khuyến khích việc tiếp đón trong tình huynh đệ và dành những chăm sóc mục vụ thích hợp để giúp đỡ những người di trú vì lý do lao động hay học hành, đến từ các miền truyền giáo. Qua nhóm di dân này mà những dân tộc xa xôi một cách nào đó trở nên gần gũi, và tạo cơ hội thuận tiện để các cộng đồng Ki-tô giáo lâu đời được đối thoại với những dân tộc chưa được phúc đón nhận Tin Mừng, đồng thời tỏ bày khuôn mặt đích thực của Chúa Ki-tô trong nghĩa cử yêu thương và thái độ ân cần giúp đỡ.**89**

**39**

Các linh mục là hiện thân của Chúa Ki-tô và là cộng sự viên của hàng Giám mục trong ba phận vụ thánh tự bản chất gắn liền với sứ mệnh của Giáo Hội.**90** Vì thế, các ngài phải nhận thức sâu xa rằng đời sống các ngài cũng đã được thánh hiến để phục vụ các xứ truyền giáo. Qua việc thi hành thừa tác vụ linh mục – một tác vụ gắn liền với Bí Tích Thánh Thể là phương thế kiện toàn Giáo Hội – các ngài thông hiệp và dẫn đưa người khác đến thông hiệp với Chúa Ki-tô là Đầu, nhưng các ngài không thể không nhận thấy rằng Nhiệm Thể vẫn chưa đạt đến tầm vóc viên mãn, do đó còn rất nhiều việc phải làm để Thân Thể ấy ngày càng tăng triển. Vì thế các ngài phải sắp xếp công việc mục vụ thế nào để mưu ích cho việc quảng bá Tin Mừng nơi những người ngoài Ki-tô giáo.

Trong hoạt động mục vụ, các linh mục phải cổ võ và duy trì nơi các tín hữu lòng nhiệt thành đối với việc rao giảng Tin Mừng cho thế giới, qua việc dạy giáo lý và giảng thuyết để giáo huấn họ về nhiệm vụ của Giáo Hội phải loan báo Chúa Ki-tô cho Muôn Dân; trình bày cho các gia đình Ki-tô hữu về sự cần thiết và niềm vinh hạnh khi vun trồng ơn gọi truyền giáo nơi những người con, nam cũng như nữ; phát huy lòng nhiệt thành truyền giáo nơi thanh thiếu niên trong các trường và các hội đoàn công giáo để từ đó có thêm những người rao giảng Tin Mừng tương lai. Các ngài phải nhắc nhở tín hữu cầu nguyện cho các xứ truyền giáo và đừng xấu hổ khi xin họ giúp đỡ, dám trở nên như những hành khất vì Chúa Ki-tô và vì phần rỗi các linh hồn.**91**

Các giáo sư Chủng Viện và Đại Học phải cho thanh thiếu niên biết hiện trạng xác thực của thế giới và của Giáo Hội, để giúp họ nhận ra nhu cầu cấp bách của việc rao giảng Tin Mừng cho những người ngoài Ki-tô giáo và để nuôi dưỡng nhiệt tâm truyền giáo của họ. Trong khi dạy các môn tín lý, Thánh Kinh, luân lý và lịch sử, phải nêu rõ những khía cạnh truyền giáo hàm chứa trong các môn ấy, để nhờ đó ý thức truyền giáo được hình thành nơi các linh mục tương lai.

**40**

Các Hội Dòng sống đời chiêm niệm hay hoạt động, cho đến nay đã và đang góp phần rất lớn vào việc rao giảng Tin Mừng cho thế giới. Thánh Công Đồng vui mừng nhìn nhận công lao của họ và cảm tạ Thiên Chúa vì biết bao nỗ lực đã được thực hiện để làm vinh danh Chúa và phục vụ các linh hồn. Thánh Công Đồng khuyến khích họ hãy cứ hăng say theo đuổi công việc đã khởi sự, vì biết rằng sức mạnh của đức ái mà họ muốn thực thi cách hoàn hảo hơn theo ơn gọi, đang thúc đẩy và đòi buộc họ phải có tinh thần và hành động thực sự mang tính cách công giáo.**92**

Các Hội Dòng sống đời chiêm niệm góp phần rất lớn vào việc trở lại của các linh hồn nhờ những kinh nguyện, hy sinh và thử thách, vì Thiên Chúa là Đấng sai thợ đến gặt lúa của Ngài theo lời ta cầu xin (x. Mt 9,38), Đấng mở rộng tâm hồn người ngoài Ki-tô giáo để họ lắng nghe Tin Mừng (x. Cv 16,14), và làm cho lời cứu rỗi sinh hoa kết quả trong lòng họ (x. 1 Cr 3,7). Hơn nữa, xin các Hội Dòng hãy thành lập cơ sở tại những xứ truyền giáo, như nhiều Dòng đã từng làm, để ở đó, trong khi thích nghi với truyền thống tôn giáo đích thực của các dân tộc, các tu sĩ tỏ cho những người ngoài Ki-tô giáo thấy chứng từ cao đẹp về uy quyền và tình yêu của Thiên Chúa cũng như về sự hợp nhất trong Chúa Ki-tô.

Còn các Hội Dòng sống đời hoạt động, hoặc chuyên lo việc truyền giáo hoặc không, đều phải chân thành tự vấn trước mặt Chúa xem còn có thể gia tăng các hoạt động cho việc mở rộng Nước Chúa nơi muôn dân không; hoặc có thể để cho những người khác đảm nhận một số tác vụ nào đó, còn chính họ sẽ cống hiến công sức cho các xứ truyền giáo không; hay có thể bắt đầu hoạt động trong các xứ truyền giáo bằng cách thích nghi Hiến pháp của Hội Dòng nếu cần, mà vẫn giữ đúng tinh thần của Vị Sáng Lập không; hoặc xem các tu sĩ của Dòng có thể tùy sức tham gia vào hoạt động truyền giáo không; hay cách sống thường ngày của họ có trở nên chứng tá của Tin Mừng được thích nghi với đặc tính và hoàn cảnh của dân chúng không.

Nhờ Chúa Thánh Thần thúc đẩy, Giáo Hội ngày càng có thêm nhiều Tu hội đời, hoạt động dưới quyền Giám mục, có thể mang lại nhiều kết quả trong các xứ truyền giáo về nhiều phương diện, như là dấu chỉ của sự tận hiến trọn vẹn cho việc rao giảng Tin Mừng trên thế giới.

**41**

Giáo dân cộng tác vào công cuộc rao giảng Tin Mừng của Giáo Hội, đồng thời tham gia vào sứ mệnh cứu rỗi của Giáo Hội với tư cách là chứng nhân và khí cụ sống động,**93** đặc biệt khi họ được Thiên Chúa kêu gọi và được Giám mục thu nhận để thi hành công tác truyền giáo.

Trong những địa hạt đã gia nhập Ki-tô giáo, giáo dân tham gia vào việc rao giảng Tin Mừng bằng cách phát huy nơi chính mình và những người chung quanh sự hiểu biết và lòng yêu mến các xứ truyền giáo, cổ võ ơn kêu gọi trong gia đình, trong các hội đoàn công giáo và các trường học, đóng góp vào các chương trình tài trợ, để có thể trao tặng cho người khác hồng ân đức tin mà họ đã lãnh nhận cách nhưng không.

Còn trong những địa hạt thuộc các xứ truyền giáo, giáo dân, hoặc ngoại kiều hoặc người địa phương, phải dạy học trong các trường, phụ trách các công việc trần thế, hợp tác vào hoạt động tại giáo xứ hay giáo phận, thành lập và phát huy các hình thức hoạt dộng tông đồ giáo dân, để tín hữu của các Giáo Hội trẻ được tham gia vào đời sống Giáo Hội càng sớm càng tốt.**94**

Sau cùng giáo dân phải sẵn lòng cộng tác trong lãnh vực kinh tế xã hội với các quốc gia đang phát triển; sự cộng tác này càng đáng biểu dương nếu càng liên quan đến việc thành lập các tổ chức tác động đến chính những cơ cấu căn bản của đời sống xã hội hay để đào tạo những người có trách nhiệm với quốc gia.

Cũng đáng đặc biệt tán dương những giáo dân đang giúp nâng cao sự hiểu biết về các dân tộc và các tôn giáo qua những công trình khảo cứu lịch sử hay khoa học tôn giáo tại các Đại Học hay các Viện Khoa Học, điều đó rất hữu dụng cho những người rao giảng Tin Mừng và hữu ích trong việc đối thoại với những người ngoài Ki-tô giáo.

Họ cũng phải hợp tác trong tình huynh đệ với các Ki-tô hữu khác, với những người ngoài Ki-tô giáo và nhất là với các thành viên của những tổ chức quốc tế, nhưng hãy luôn nhớ rằng “việc xây dựng xã hội trần thế phải đặt nền tảng trong Chúa và quy hướng về Người”.**95**

Để chu toàn tất cả những phận vụ đó, giáo dân cần được chuẩn bị về kỹ thuật và đời sống thiêng liêng tại những Học Viện chuyên khoa, để đời sống họ trở thành chứng tá cho Chúa Ki-tô đối với những người ngoài Ki-tô giáo, như lời Thánh Tông Đồ: “Anh em đừng làm gương xấu cho người Do Thái, cho Dân ngoại hoặc cho Giáo Hội Chúa, cũng như tôi đây, tôi làm đẹp lòng mọi người trong mọi sự, không tìm ích lợi cho riêng tôi, nhưng cho mọi người, để họ được cứu rỗi” (1 Cr 10,32-33).

**KẾT LUẬN**

**42**

Các Nghị phụ Công Đồng, hợp nhất với Đức Giáo Hoàng, với ý thức thật sâu đậm về bổn phận phải mở rộng Nước Chúa khắp nơi, gửi lời chào thân ái đến tất cả những ai đang rao giảng Tin Mừng, đặc biệt xin được chia sẻ nỗi thống khổ của những người đang chịu bách hại vì Danh Chúa Ki-tô.**96**

Được nung nấu bằng chính ngọn lửa tình yêu của Chúa Ki-tô dành cho nhân loại, với niềm xác tín rằng Thiên Chúa chính là Đấng làm cho Vương quyền Ngài hiển trị nơi trần gian, các Nghị phụ hợp ý cầu nguyện với tất cả các Ki-tô hữu để nhờ lời chuyển cầu của Đức Trinh Nữ Ma-ri-a Nữ Vương các thánh Tông Đồ, xin cho muôn dân mau được đưa về nhận biết chân lý (1 Tm 2,4) để vinh quang Thiên Chúa đang rạng ngời trên gương mặt Chúa Giê-su Ki-tô, cũng chiếu soi mọi người nhờ Chúa Thánh Thần (2 Cr 4,6).

*Tất cả và từng điều được ban bố trong Sắc Lệnh này đều đã được các Nghị phụ Thánh Công Đồng chấp thuận. Và, với thẩm quyền tông truyền nhận được từ Chúa Ki-tô, hợp nhất với các Nghị phụ khả kính, trong Chúa Thánh Thần, Chúng Tôi phê chuẩn, quyết nghị và xác lập, và những gì đã được xác lập theo thể thức Công Đồng, Chúng Tôi truyền công bố cho Danh Chúa cả sáng.*

Rô-ma, tại Đền Thánh Phê-rô, ngày 7 tháng 12 năm 1965  
Tôi, PHAO-LÔ, Giám mục Giáo Hội Công giáo  
(Tiếp theo là chữ ký của các Nghị phụ)

**Chú thích**

**1** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 48.

**2** T. AUGUSTINÔ, *Enar. in Ps.* 44, 23: PL 36, 508; CChr 38, 510.

**3** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 1: AAS 57 (1965), tr. 5-6.

**4** x. T. I-RÊ-NÊ, *Adv. Haer.* III, 18, 1: “Ngôi Lời ở nơi Thiên Chúa, nhờ Người muôn vật được tạo dựng và Người hằng ở giữa nhân loại…”: PG 7, 937; nt., IV, 6, 7: “Từ nguyên thủy, Chúa Con hiện diện trong công trình tạo dựng, đã mạc khải Chúa Cha cho những ai Người muốn, khi nào Người muốn và theo cách Người muốn”: PG 7, 990; X. nt., IV, 20, 6 và 7: PG 7, 1037; nt. *Demonstratio*, số 34: PI-Ô XII, 773: Sources Chrét., 62, Paris 1958, tr. 87; CLEMENTÊ ALEX., *Protrep.* 112, 1: GCS Clemens I, 79; Strom. VI, 6, 44, I: GCS Clemens II 453; 13, 106, 3 và 4: nt., 485; Về giáo thuyết này, x. PI-Ô XII, *Diễn văn truyền thanh* 31.12.1952; CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 16: AAS 57 (1965), tr. 20.

**5** x. Dt 1,2; Ga 1,3 và 10; 1 Cr 8,6; Cl 1,16.

**6** x. T. ATHANASIÔ, *Ep. ad Epictetum*, 7: PG 26, 1060; T. CYRILLÔ HIER., *Catech.* 4, 9: PG 33, 465; MARIÔ VICTORINÔ, *Adv. Arium*, 3, 3: PL 8, 1101; T. BASILIÔ, *Epist.* 261, 2: PG 32, 969; T. GRÊGÔRIÔ NAZ., *Epist.* 101: PG 37, 181; T. GRÊGÔRIÔ NYSS., *Antirrheticus*, *Adv. Apollin.*, 17: PG 45, 1116; T. AMBRÔSIÔ, *Epist.* 48, 5: PL 16, 1153; T. AUGUSTINÔ,*in Io. Evang. tr.* XXIII, 6: PL 35, 1585; CChr 36, 236; Hơn nữa, một điều chứng tỏ Chúa Thánh Thần đã không cứu chuộc chúng ta vì Ngài đã không nhập thể: *De Agone Christ.* 22, 24: PL 40, 302; T. CYRILLÔ ALEX.,*Adv. Nestor*, I, I: PG 76, 20; T. FULGENTIÔ,*Epist.* 17, 3, 5: PL 65, 454; *Ad Trasimundum*, III, 21: PL 65, 284: de tristitia et timore.

**7** Chính Chúa Thánh Thần đã dùng các tiên tri mà phán dạy:*Symb. Constantinopol*: DS 150; T. LÊ-Ô CẢ, *Sermo* 76: PL 54, tr. 405-406: “Trong ngày Hiện Xuống, Chúa Thánh Thần đã ban ơn tràn ngập trên các môn đệ Đức Ki-tô, nhưng đó không phải là khởi đầu mà là tuôn đổ thêm ân huệ: vì các tổ phụ, các tiên tri, các thượng tế, cũng như toàn thể các thánh sống trong những thời đại xa xưa, cũng đã được chính Chúa Thánh Thần thánh hóa dưỡng nuôi, mặc dầu mức độ ân phúc có khác nhau”. Và *Sermo* 77, 1: PL 54, 412; LÊ-Ô XIII, Thông điệp *Divinum Illud*, 9.5.1897: ASS 29 (1897), tr. 650-651; T. Gioan Kim Khẩu cũng nói như vậy mặc dù Ngài nhấn mạnh về tính cách mới mẻ của sứ mệnh Chúa Thánh Thần trong ngày Hiện Xuống: *In Ep*. ch. 4, Hom. 10, 1: PG 62, 75.

**8** Các Giáo Phụ thường nói về tháp Babel và ngày Hiện Xuống: ÔRIGÊNÊ, *in Genesim*, ch. 1: PG 12, 112; T. GRÊGÔRIÔ NAZ., *Oratio* 41, 16: PG 36, 449; T. GIOAN KIM KHẨU, *Hom. 2 in Pentec.*, 2: PG 50, 467;*In Act. Apost.*: PG 60, 44; T. AUGUSTINÔ, *En. in Ps.* 54, 11: PL 36, 636; CChr 39, 664tt.;*Sermo* 271: PL 38, 1245; T. CYRILLÔ ALEX., *Glaphyra in Genesim II:*PG 69, 79; T. GRÊGÔRIÔ CẢ, *Hom. in Evang.*, quyển II, Hom. 30, 4: PL 76, 1222; T. BEDA, *In Hexaem.*, quyển III: PL 91, 125; Ngoài ra, xem bức họa nơi tiền đường của Vương Cung Thánh Đường Marcô ở Venezia; Giáo Hội nói mọi thứ tiếng, và như thế hợp nhất mọi người trong tính cách đại đồng của đức tin: T. AUGUSTINÔ, *Sermones* 266, 267, 268, 269: PL 38, 1225-1237; *Sermo*175, 3: 38, 946; T. GIOAN KIM KHẨU,*In Epist. 1 ad Cor.*, Hom. 35: PG 61, 296; T. CYRILLÔ ALEX., *Fragm. in Act.*: PG 74, 758; T. FULGENTIÔ, *Sermo* 8, 2-3: PL 65, 743-744. Về lễ Hiện Xuống như là cuộc thánh hiến các Tông Đồ cho sứ mệnh; X. J.A. CRAMER,*Catena in Acta Ss. Apostolorum*, Oxford 1838, tr. 24tt.

**9** x. Lc 3,22; 4,1; Cv 10,38.

**10** x. Ga 14-17; PHAO-LÔ VI, *Huấn từ đọc tại Công Đồng*, 14.9.1964: AAS 56 (1964), tr. 807.

**11** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 4

**12** T. AUGUSTINÔ, *Sermo* 267, 4 : PL 38, 1231: “Linh hồn làm gì trong các chi thể của một thân thể, thì Chúa Thánh Thần cũng làm như thế trong toàn thể Giáo Hội”; x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội*Lumen Gentium*, 7, và ghi chú 8: AAS 57 (1965), tr. 11.

**13** x. Cv 10,44-47; 11,15; 15,8.

**14** x. Cv 4,8; 5,32; 8,26.29.39; 9,31; 10; 11,24-28; 13,2.4.9; 16,6-7; 20,22-23; 21,11 v.v…

**15** TERTULLIANÔ, *Apologeticum*, 50, 13: PL 1, 534; CChr 1, 171.

**16** T. TÔ-MA AQ. đã nói về hoạt động tông đồ để xây dựng Giáo Hội: x. *Sent.*, quyển I, dist. 16, q. 1, a. 2 ad 2 và ad 4; a.3 sol.; *Summa Theol.* I, q. 43, a.7 ad 6; I-II, q. 106, a.4 ad 4; x. BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maximum Illud*, 30.11.1919: AAS 11 (1919), tr. 445 và 453; PI-Ô XI, Thông điệp *Rerum Ecclesiae*, 28.2.1926: AAS 18 (1926), tr. 74; PI-Ô XII, 30.4.1939, nói với các vị Giám Đốc các Hội Giáo Hoàng truyền giáo; nt., 24.6.1944, nói với quý vị Giám Đốc các Hội Giáo Hoàng truyền giáo: AAS 36 (1944), tr. 210, đăng lại trong AAS 42 (1950), tr. 727, và 43 (1951), tr. 508; nt., 29.6.1948, nói với các giáo sĩ bản xứ: AAS 40 (1948), tr. 374; nt., *Evangelii Praecones*, 2.6.1951: AAS 43 (1951), tr. 507; nt., *Fidei Donum*, 15.1.1957: AAS 49 (1957), tr. 236; GIOAN XXIII, Thông điệp *Princeps Pastorum*, 28.11.1959: AAS 51 (1959), tr. 835; PHAO-LÔ VI, Bài giảng ngày 18.10.1964: AAS 55 (1964), tr. 911; Các Đức Giáo Hoàng cũng như các Giáo Phụ và các học giả kinh viện thường nói đến việc mở rộng Giáo Hội: T. TÔ-MA AQ., *Comm. in Mt* 16,28; LÊ-Ô XIII, Thông điệp*Sancta Dei Civitas*, 3.12.1880: AAS 13 (1880), tr. 241; BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maximum Illud*, 30.11.1919: AAS 11 (1919), tr. 442; PI-Ô XI, Thông điệp *Rerum Ecclesiae*, 28.2.1926: AAS 18 (1926), tr. 65.

**17** Hoạt động truyền giáo dĩ nhiên cũng bao gồm cả các phần đất thuộc Châu Mỹ Latinh, nơi chưa có hàng Giáo phẩm riêng, chưa có sinh hoạt Ki-tô giáo lớn mạnh, cũng như chưa được rao giảng Tin Mừng đầy đủ. Ở đây Công Đồng không đặt vấn đề về việc Tòa Thánh có công nhận những địa hạt đó là xứ truyền giáo hay không. Vì thế, khi nói về hoạt động truyền giáo liên hệ đến một địa hạt nào đó, thì đúng ra là đề cập đến một hoạt động “thông thường” được thực hiện trong những địa hạt nhất định mà Tòa Thánh đã công nhận.

**18** CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về Đại kết *Unitatis Redintegratio*, 1

**19** CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 14

**20** x. Ga 7,18; 8,30 và 44; 8,50; 17,1.

**21** Về ý tưởng tổng hợp này, x. Học thuyết của thánh Irênêô về chủ đề “quy phục dưới quyền một Thủ Lãnh”; Cũng x. HYPPÔLYTÔ, *De Anti-christo*, số 3: “Thương yêu và ước ao cứu vớt tất cả mọi người, muốn làm cho mọi người trở nên con cái Thiên Chúa và kêu mời tất cả các thánh liên kết thành một con người hoàn hảo duy nhất…: PG 10,732; GCS Hyppolyt I,2, tr. 6; nt. *Benedictiones Iacob*, 7: TU 38-1, tr. 18, hàng 4tt; ÔRIGÊNÊ, *In Ioann*., I, 16: “ Nơi những người sẽ đến với Thiên Chúa, nhận biết Thiên Chúa và được hướng dẫn bởi Ngôi Lời, Đấng ở nơi Thiên Chúa, chỉ là một hành động duy nhất: nhờ đó, tất cả đều được dạy dỗ để nhận biết Chúa Cha như những người con biết Cha mình, như chính Chúa Con, Đấng duy nhất hiện giờ đã biết Chúa Cha “: PG 14,49; GCS Orig IV, 20; T. AUGUSTINÔ, *De Sermone Domini in monte*, I, 41: “Chúng ta hãy yêu thương những gì có thể cùng chúng ta được dẫn vào vương quốc, nơi mà không ai gọi Thiên Chúa duy nhất là “Cha tôi” nhưng tất cả đều gọi “Cha chúng tôi”: PL 34, 1250; T. CYRILLÔ ALEX, *In Ioann*, I: “Tất cả chúng ta đều ở trong Chúa Ki-tô và chính trong Người mà con người mang tính nhân loại của chúng ta được tác sinh. Vì thế Người được gọi là Ađam mới. Đấng tự bản tính là Con và là Thiên Chúa đã cư ngụ giữa chúng ta; nhờ đó, trong Thần Khí của Người, chúng ta được kêu lên: Abba, Cha ơi. Ngôi Lời cư ngụ nơi tất cả như trong một ngôi đền thờ, nghĩa là nơi những gì Người đã nhận lấy vì chúng ta và từ chúng ta, để, nói như Thánh Phaolô, khi mọi sự đã ở trong Người, Người sẽ giao hòa tất cả với Chúa Cha trong một thân thể duy nhất”: PG 73, 161-164.

**22** BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maximum Illud*, 30.11.1919: AAS 11 (1919), tr. 445: “vì Giáo Hội của Chúa là công giáo nên không xa lạ đối với bất cứ một dân tộc hay quốc gia nào…”; x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Mater et Magistra*: “Theo lệnh Chúa, Giáo Hội mở rộng đến tất cả muôn dân…khi hoà nhập vào một dân tộc nào, như sức mạnh được truyền vào mạch máu, Giáo Hội không là cũng không tự cho là một tổ chức ngoại lai đối với dân tộc đó…Hơn nữa, tất cả những gì là tốt đẹp, thiện hảo nơi một dân tộc, thì những người đã được tái sinh trong Chúa Ki-tô cũng công nhận như thế, và còn làm cho nên hoàn hảo hơn nữa”. 25.5.1961: AAS 53 (1961), tr. 444.

**23** x. T. I-RÊ-NÊ, *Adv. Haer.*, III, 15, 3: PG 7, 919: “Họ đã là những người rao giảng chân lý và là những tông đồ mang lại tự do”.

**24** Tiền xướng “O” ngày 23.12 trong Breviarium Romanum.

**25** x. Mt 24,31; *Didachè* 10,5 : Funk I,32.

**26** CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 17: AAS 57 (1965), tr. 20-21; T. AUGUSTINÔ, *De Civ. Dei*, 19, 17: PL 41, 646; THÁNH BỘ TRUYỀN BÁ ĐỨC TIN, *Bài giáo huấn Collectanea* I, số 135, tr. 42.

**27** Theo Ôrigênê, Tin Mừng phải được rao giảng trước khi tận thế: *Hom. in Luc.*, XXI: GCS, Orig. IX 136, 21tt.; *In Matth. comm. ser.*, 39: XI 75, 25tt.; 76, 4tt.; *Hom. in Ierem.* III, 2: VIII 308, 29t.; T. TÔ-MA, *Summ. Theol.*, I-II, q. 106, a. 4, ad 4.

**28** T. HILARIÔ PIET., *In Ps*. 14: PL 9, 301; EUSEBIÔ CAES., *In Isaiam*, 54, 2-3: PG 24, 426-463; T. CYRILLÔ ALEX., *In Isaiam*, ch. V, 54,1-3: PG 70, 1193.

**29** x. PHAO-LÔ VI, Diễn từ đọc tại Công Đồng 21.11.1964: AAS 56 (1964) tr. 1013.

**30** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Tuyên ngôn về Tự Do Tôn Giáo *Dignitatis Humanae*, số 2,4,10; CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế mục vụ về Giáo Hội trong thế giới ngày nay *Gaudium Et Spes*, 21.

**31** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 17.

**32** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế về Phụng Vụ Thánh *Sacrosanctum Concilium*, 64-65.

**33** Về việc giải thoát khỏi ách nô lệ ma quỉ và tối tăm: trong Phúc Âm, x. Mt 12,28; Gio 8,44; 12,31 (x. 1 Ga 3,8; Ep 2,1-2.): trong Phụng vụ về bí tích Rửa tội, x. Sách *Nghi Lễ Rôma*.

**34** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 14.

**35** x. T. AUGUSTINÔ, *Tract. in Ioan*., 11,4: PL 35, 1476.

**36** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 9.

**37** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 10, 11, 34.

**38** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Mạc Khải Thiên Chúa *Dei Verbum*, 21

**39** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 12; 35.

**40** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 23, 26

**41** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 11, 35, 41.

**42** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về các Giáo Hội Công Giáo Đông Phương *Orientalium Ecclesiarum*, 30.

**43** x. Epist. *ad Diognetum*, 5 : PG 2, 1173; x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 38.

**44** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, số 32; Nt., Sắc lệnh về Tông Đồ Giáo Dân *Apostolicam Actuositatem*.

**45** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về việc đào tạo Linh mục *Optatam Totius*, 4, 8, 9.

**46** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế về Phụng Vụ thánh *Sacrosanctum Concilium*, 17.

**47** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về việc đào tạo Linh mục *Optatam Totius*, 1.

**48** x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Princeps Pastorum*, 28.11.1959: AAS 51 (1959), tr. 843-844.

**49** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về Đại kết *Unitatis Redintegratio*, 4.

**50** x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Princeps Pastorum*, 28.11.1959: AAS 51 (1959), tr. 842.

**51** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 29.

**52** x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Princeps Pastorum*, 28.11.1959: AAS 51 (1959), tr. 855.

**53** Ở đây nói về những người vẫn được gọi là “giáo lý viên chuyên ngạch”.

**54** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 31, 44.

**55** x. GIOAN XXIII, Thông điệp *Princeps Pastorum*, 28.11.1959: AAS 51 (1959), tr. 838.

**56** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về Tác vụ và đời sống linh mục*Presbyterorum Ordinis*, 11; Sắc lệnh về việc Đào tạo linh mục *Optatm Totius*, 2.

**57** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 25.

**58** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về Tác vụ và đời sống linh mục *Presbyterorum Ordinis*, 10: để sinh hoạt mục vụ đặc biệt cho những cộng đồng xã hội khác nhau được dễ dàng, phải tiên liệu việc thiết lập các Giám chức biệt hạt tuỳ theo đòi hỏi của việc tổ chức hoạt động tông đồ.

**59** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về Tác vụ và Đời sống Linh mục *Presbyterorum Ordinis*, 13.

**60** x. PHAO-LÔ VI, Diễn từ đọc trong lễ phong thánh cho các Vị Tử Đạo Uganda: AAS 56 (1964), tr. 908.

**61** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 13.

**62** CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội, *Lumen Gentium*, 17.

**63** “Tổ chức” ở đây hiểu là các Dòng Tu, Hội dòng, Tu Hội và các Hiệp Hội hoạt động truyền giáo.

**64** x. PI-Ô XI, Thông điệp *Rerum Ecclesiae*, 28.2.1926: AAS 18 (1926), tr. 69-71; PI-Ô XII, Thông điệp *Saeculo Exeunte*, 13.6.1940: AAS 32 (1940), tr. 256; Thông điệp*Evangelii Praecones*, 2.6.1951: AAS 43 (1951), tr. 506.

**65** x. BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maximum Illud* 30.11.1919: AAS 11 (1919), tr. 449-450.

**66** x. BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maximum Illud*, 30.11.1919: AAS 11 (1919), tr. 448-449; PI-Ô XII, Thông điệp *Evangelii Praecones*, 2.6.1951: AAS 43 (1951) tr. 507. Việc đào tạo các linh mục truyền giáo cũng được CĐ VA-TI-CA-NÔ II đề cập trong Sắc lệnh về việc Đào tạo linh mục.

**67** CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 41.

**68** x. BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maximum Illud*, 30.11.1919: AAS 11 (1919), tr. 440; PI-Ô XII, Thông điệp *Evangelii praecones*, 2.6.1951: AAS 43 (1951), tr. 507.

**69** BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maximum Illud*, 30.11.1919: AAS 11 (1919), tr. 448; THÁNH BỘ TRUYỀN BÁ ĐỨC TIN, Sắc lệnh 20.5.1923: AAS 15 (1923), tr. 369-370; PI-Ô XII, Thông điệp *Saeculo Exeunte*, 2.6.1940: AAS 32 (1940), tr. 256; nt., Thông điệp *Evangelii Praecones*, 2.6.1951: AAS 43 (1951), tr. 507; GIOAN XXIII, Thông điệp *Princeps Pastorum*, 28.11.1959: AAS 51 (1959), tr. 843-844.

**70** CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về việc Đào tạo linh mục *Optatam Totius*, 19-21; Tông hiến *Sedes Sapientiae* với những quy luật chung, 21.5.1956: AAS 48 (1956), tr. 354-365.

**71** PI-Ô XII, Thông điệp *Evangelii Praecones*: AAS 43 (1951), tr. 523-524.

**72** BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maximum Illud*: AAS 11 (1919), tr. 448; PI-Ô XII, Thông điệp *Evangelii Praecones*: AAS 43 (1951), tr. 507.

**73** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Fidei Donum*, 15.6.1957: AAS 49 (1957), tr. 234.

**74** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về Chức vụ và đời sống linh mục *Presbyterorum Ordinis*, 10, chỗ nói về các giáo phận, các Giám chức và các vấn đề tương tự.

**75** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 18.

**76** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 23.

**77** x. Tự sắc *Apostolica Sollicitudo*, 15.9.1965.

**78** x. PHAO-LÔ VI, *Diễn từ tại Công Đồng*, 21.11.1964: AAS 56 (1964), tr. 1011.

**79** x. BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maximum Illud*, 30.11.1919: AAS 11 (1919), tr. 39-40.

**80** Nếu vì lý do nào đó mà đến nay một số xứ truyền giáo vẫn còn tạm thời tùy thuộc vào nhiều Thánh Bộ khác, thì các Thánh Bộ đó phải có liên hệ với Thánh Bộ Truyền Bá Đức Tin, để chỉ có một phương pháp cũng như một nguyên tắc hoàn toàn cố định và đồng nhất trong việc tổ chức và điều hành các xứ truyền giáo.

**81** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục tử của các Giám mục *Christus Dominus*, 35, 4.

**82** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám mục *Christus Dominus*, 36-38.

**83** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục vụ của các Giám mục *Christus Dominus*, 35, 5-6.

**84** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về Đại kết *Unitatis Redintegratio*, 12.

**85** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 23-24.

**86** x. BÊNÊĐICTÔ XV, Thông điệp *Maxium Illud*, 30.11.1919: AAS 11 (1919), tr. 453-454; PI-Ô XI, Thông điệp *Rerum Ecclesiae*, 28.2.1926: AAS 18 (1926), tr. 71-73; PI-Ô XII, Thông điệp *Evangelii Praecones*, 2.6.1951: AAS 43 (1951), tr. 525-526; nt., Thông điệp *Fidei Donum*, 15.1.1957: AAS 49 (1957), tr. 241.

**87** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Fidei Donum*, 15.1.1957: AAS 49 (1957), tr. 245-246.

**88** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Sắc lệnh về nhiệm vụ mục tử của các Giám mục *Christus Dominus*, 6.

**89** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Fidei Donum*, 15.1.1957: AAS 49 (1957), tr. 245.

**90** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 28.

**91** x. PI-Ô XI, Thông điệp *Rerum Ecclesiae*, 28.2.1926: AAS 18 (1926), tr. 72.

**92** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 44.

**93** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 33, 35.

**94** x. PI-Ô XII, Thông điệp *Evangelii Praecones*, 2.6.1951: AAS 43 (1951), tr. 510-514; GIOAN XXIII, Thông điệp *Princeps Pastorum*, 28.11.1959: AAS 51 (1959), tr. 851-852.

**95** x. CĐ VA-TI-CA-NÔ II, Hiến chế tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium*, 46.

**96** X. PI-Ô XII, Thông điệp *Evangelii Praecones*, 2-6-1951: AAS 43 (1951), tr. 527; GIOAN XXIII, Thông điệp *Princeps Pastorum*, 28-11-1959: AAS 51 (1959), tr. 864.